

CỔ VĂN VIỆT NAM

LÝ VĂN PHỨC

NHỊ-THẬP TỨ HIẾU

Chu - Lang **CAO HUY GIU**
ĐÍNH-CHÍNH và CHÚ-THÍCH

IN LẦN THỨ HAI
sửa-chữa cẩn-thận



SÁCH GIÁO-KHOA
TÂN VIỆT

CỔ VĂN VIỆT NAM

LÝ VĂN PHỨC

NHỊ-THẬP TỨ HIẾU

Chu - Lang CAO HUY GIU
ĐÍNH-CHÍNH và CHÚ-THÍCH

IN LẦN THỨ HAI
sửa-chữa cũn-ihận



SÁCH GIÁO-KHOA
TÂN VIỆT

CÙNG BẠN ĐỌC

« **NHỊ-THẬP-TỬ HIẾU** » là truyện hai-mươi-bốn người con có hiếu ở bên Tàu ngày xưa do cụ Lý Văn Phức theo bản chữ Hán của Quách cư Nghiệp đời nhà Nguyên diễn ra quốc-âm bằng lời ca song-thất lục-bát.

Cụ Lý Văn Phức là một nhà văn-học nước ta và là một người hiếu-thuận ít có. Cụ diễn cuốn sách này cốt để làm gia-phạm dạy-dỗ riêng các con-cháu trong nhà cho biết theo gương hiếu-thuận, sau lưu-hành khắp nước, truyền-tụng làm cuốn sách có giá-trị làm khuôn-mẫu cho những kẻ làm con đối với cha mẹ ; đến ngày nay được liệt vào hạng sách giáo-khoa.

Vì cuốn sách này trong có nhiều chỗ dùng điển-tích chữ Hán, lại làm ra đã lâu, mỗi lần sao chép lại và in ra không khỏi có sự sai-lầm, thành ra « tam sao thất bản », nên trừ những bậc tài cao học rộng không kể, còn phần nhiều những người ít học, hay đàn-bà trẻ-con, đọc theo truyền khẩu, cứ theo chỗ sai-lầm của người này mà đọc lại cho người khác nghe, hay là sao chép lại, nên có nhiều chỗ ngờ-ngần khó hiểu.

Vì thế, cần phải đính-chính lại những chữ sai-lầm, chú-thích rõ những điển-tích bằng chữ Hán ra quốc âm cho dễ hiểu.

Tôi học ít, tài kém, cứ theo ý-nghĩ hẹp-hòi, kiến-thức sơ-thiền, tham-khảo thêm các bản in cũ mà đính-chính và chú-thích lại, họa may có giúp-đỡ cho những người ít học hay đàn-bà trẻ-con thêm dễ hiểu được phần nào thôi ; không dám tự chắc rằng những chỗ đính-chính ấy đã là đúng, những chỗ chú-thích ấy đã là phải. Về phần hoàn-toàn, mong các vị cao minh chỉ-giáo và phủ-chính lại cho.

Tôi lại đem 24 bài thơ chữ Hán tổng vịnh 24 vị thánh-hiền, sĩ-thứ hiếu-thuận ấy, tạm dịch ra quốc âm, theo lối lục-bát, chẳng quản lời-lẽ nôm-na, tạm hiến đọc-giả chư tôn nhàn lãm.

Hà-nội, ngày 25-11-1952
Chu-Lang CAO HUY GIU

Tiểu-sử cụ LÝ VĂN PHỨC

Cụ Lý Văn Phức 李文馥 tự là Lân Chi 鄰芝, hiệu là Khắc Trai 克齋, người làng Hồ-khẩu, huyện Vĩnh-thuận, tỉnh Hà-nội ngày xưa, bây giờ thuộc Đại-lý Hoàn-long, ngoại thành Hà-nội.

Cụ là bậc túc nho, văn-học uyên-bác, đỗ Cử-nhân khoa Kỷ-mão triều Gia-long thứ 18 (1819), làm quan luôn ba triều : Minh-mệnh, Thiệu-trị và Tự-đức. Khoảng năm Tân-sửu, Thiệu-trị nguyên niên (1841), sung chức chánh-sứ sang sứ Tàu, và nhiều lần được cử đi phái-bộ các nước lân-cận với nước ta. Mỗi lần đi đâu về, cụ đều có soạn thành bút ký hay thi-tập.

Năm Canh-dần, Minh-mệnh thứ 11 (1830), đi phái-bộ Tiểu tây Dương, cụ soạn tập « Tây hành kiến văn lục hay Ký-lược 西行見聞錄 (紀) ».

Hai năm Quý-tỵ và Giáp-ngọ, Minh-mệnh thứ 14, 15 (1834, 1835) đi phái-bộ Tân-gia-ba (Singapour) Lữ-tống (Luçon) Quảng-đông, cụ soạn 2 tập « Việt-hành ngâm hoặc Thi-thảo 越行吟 (詩草) » và « Việt-hành tục ngâm 越行續吟. Khi đi Áo-môn

(Macao), cụ soạn tập « *Kinh hải tục ngâm* 鏡海續吟 ».

Ngoài ra cụ còn có mấy bộ bằng quốc âm : « *Phụ châm tiện lãm* 婦箴便覽 » « *Tự-thuật ký* 自述記 » « *Bất phong lưu truyện* 不風流傳 » « *Sứ trình tiện lãm khúc* 使程便覽曲 » và bản *Nhị-thập-tứ* hiệu này.

LƯỢC TRUYỆN 24 HIẾU-TỬ

1. — NGU THUẦN 虞舜

Vua Thuần họ Diêu, tên hiệu là Thuần, quốc hiệu là Đại-Ngu, cha là Cồ Tâu, (có mắt cũng như mù, vì không biết kẻ hay người dở, người đời bấy giờ mới tặng cho tên là Cồ Tâu), mẹ đẻ mất sớm, mẹ kế là người ương-gàn, em (cùng cha khác mẹ) là Tượng tính lại hỗn-xược, cha và mẹ kế cùng em ngày ngày chỉ kiếm cách để giết ngài đi; nhưng ngài vẫn một lòng trên hiếu với cha mẹ, dưới hòa cùng em, lòng hiếu cảm-động đến trời, như khi cha ngài bắt ngài cày ruộng một mình ở núi Lịch-sơn, thì voi về cày ruộng, chim về nhặt cỏ. Khi sai ngài đánh cá ở hồ Lôi-trạch thì gió lặng sóng yên. Vua Nghiêu nghe tiếng, gọi gả 2 con gái cho ngài, và sau truyền ngôi cho ngài. Khi ngài làm vua, trong 18 năm chỉ ngồi gảy đàn, hát khúc Nam-phong, mà thiên-hạ rất thái-bình thịnh-trị.

THƠ

隊	隊	耕	田	象
紛	紛	芸	草	禽
輔	堯	登	寶	位
孝	感	動	天	心

Phiên âm

*Đội đội canh điền tượng,
Phân phân vân thảo cầm.
Phụ Nghiêu đẳng báo vị,
Hiếu cảm-động thiên tâm.*

Giải nghĩa đen

Hàng đàn voi về cày ruộng,
Hàng bầy chim đến nhặt cỏ
Giúp vua Nghiêu lên ngôi báu,
Lòng hiếu-thảo động đến trời.

Dịch rôm

Voi về cày ruộng hàng bày,
Chim về nhặt cỏ hàng ngàn không ngại.
Giúp vua Nghiêu, nổi ngôi trời,
Cho hay hiếu cảm-động vời cao xanh.

2. — VĂN-ĐẾ 文帝

Vua Văn-đế nhà Hán, tên là Hằng, con thứ vua Hán Cao-tổ, em vua Huệ-đế, mẹ là Bạc-hậu (vợ lẽ vua Hán Cao-tổ), trước phong là Đại-vương, tức là thân-vương ở đất Đại bên ngoài, tính rất hiếu, sau Huệ-đế chết không có con nối nghiệp, các quan trong triều đón ngài về làm vua. Khi ngài đã làm vua rồi, Bạc-hậu bị ốm trong 3 năm trời, ngài lúc nào cũng đóng mũ-áo đai-cân đứng hầu mẹ, thức suốt đêm không dám ngủ, thuốc thang dằng đến, ngài tự ném trước rồi mới dâng cho mẹ xoi, vì sợ có thuốc độc. Dân-gian thấy ngài hiếu-thảo như thế, ai cũng bắt-chước, mọi người đều hiếu-thảo cả, thiên hạ rất thịnh-trị, không kém

gì đời tam-đại (nhà Hạ, nhà Thương và nhà Chu)
ngày xưa.

THƠ

仁	孝	臨	天	下
巍	巍	冠	百	王
漢	廷	寧	賢	母
湯	藥	必	先	嘗

Phiên âm

*Nhân-hiểu làm thiên-hạ,
Nguy nguy quán bách vương,
Hán-đình sự hiền-mẫu,
Thang dược tất tiên thường.*

Giải nghĩa đen

Lấy đạo nhân-hiến dạy-bảo thiên-hạ,
Công cao hơn cả trăm vua khác,
Phụng-dưỡng mẹ hiền ở công-đình nhà Hán,
Thuốc-thang phải tự nếm trước.

Dịch nôm

Đem lòng nhân-hiến dạy dân,
So trăm vua khác có phần lại hơn,
Khi hầu mẹ ốm thuốc-thang,
Tự mình nếm trước, dưới màn mới dâng.

3. — TĂNG-TỬ 曾子

Tăng-tử tên là Sâm, tự là Tử Dư, người ấp Vũ-thành nước Lỗ, sinh vào đời Xuân-thu, là học-trò vào bậc giỏi của đức Khổng-tử, sau được liệt vào bậc tứ-phối (bốn ông phối hưởng với đức Khổng-tử). Ông thờ cha mẹ rất hiếu, bữa ăn nào cũng có rượu thịt. Khi cha mẹ ăn xong, còn thừa lại món ăn, ông hỏi cha mẹ bảo để cho ai, thì ông vâng theo lời mà cho người ấy. Một hôm ông đi vào rừng kiếm củi vắng, ở nhà có khách đến chơi, mẹ ông không biết làm thế nào cho ông về ngay, bèn cắn ngón tay mình, để cho động lòng con, quả-

nhiên, ông ở trong rừng thấy quận đau trong dạ,
ông vội gánh củi về ngay.

THƠ

母	指	纒	方	嗚
兒	心	痛	不	禁
負	薪	歸	未	晚
骨	肉	至	惜	深

Phiên âm

*Mẫu chỉ tài phương khiết,
Nhi tâm thống bất cấm,
Phụ tân quy vị vãn,
Cốt-nhục chi tình thâm.*

Giải nghĩa đen

Mẹ vừa cắn ngón tay,
Con thấy đau trong dạ,
Vội vàng đội củi về,
Tình cốt-nhục cảm-ứng chóng như thế.

Dịch nôm

Mong con vừa cắn ngón tay,
Trong rừng con bỗng dạ này quận đau.
Vội-vàng đội củi về mau,
Cho hay cốt-nhục tình sâu lạ nường.

3. — MÃN TỬ-KHIÊN 閻子騫

Mãn Tử-Khiên tên chữ là Tồn, sinh vào đời Xuân-thu, học trò đức Khổng-tử, mẹ ông mất sớm, cha ông lấy người vợ sau (tức là mẹ kế) sinh được 2 con. Mẹ kế đối với ông rất cay-nghiệt, nhưng ông vẫn thờ cha và thờ mẹ kế rất hiếu. Mùa rét, mẹ kế cho hai con mình mặc áo bông dày, cho ông mặc áo bằng hoa lau, chứ không có bông. Ông tuy thấy không đủ ấm, nhưng không hề nói gì. Một hôm ông đẩy xe cho cha đi chơi, vì rét quá

ống tay, rời tay xe ra. Cha ông suy-xét mãi mới biết là ông bị mẹ kế dể cho mặc rét, cha ông tức lắm định đuổi ngay người vợ kế đi, ông khóc và cố kêu van với cha, xin đừng đuổi mẹ kế, vì rằng: có mẹ kế thì chỉ một mình ông bị rét thôi, nếu đuổi mẹ kế đi thì cả 3 anh em ông cùng phải khổ-sở cả. Cha ông nghe lời ông không bỏ người vợ kế nữa. Người mẹ kế nghe biết chuyện, về sau đối-dãi với ông rất tốt, thành ra một người mẹ hiền.

THƠ

閔	氏	有	賢	郎
何	曾	怨	晚	娘
堂	前	留	母	在
三	子	免	風	霜

Phiên âm

*Mãn thị hữu hiền lang,
Hà tăng oán vãn nương,
Đường tiền lưu mẫu tại,
Tam tử miễn phong-sương.*

Giải nghĩa đen

Nhà họ Mãn có người con hiền,
Không bao giờ oán-trách mẹ sau,
Trước mặt bố xin cho mẹ sau ở lại.
Đề ba con khỏi phải khô-sở.

Dịch nôm

Tử-Khiên hiếu-thảo tình sâu,
Không hề oán-trách mẹ sau nông-nàn.
Xin cha chớ dứt giày loan,
Cho con khỏi phải cơ-hàn cả ba.

5. — TỬ LỘ 子路

Tử Lộ tên là Trọng Do, người ấp Biện, nước Lỗ, sinh vào đời Xuân-thu, là học-trò đức Khổng-tử. Thờ cha mẹ rất hiếu, nhà nghèo, thương phải đi

đội gạo đường xa trăm dặm về nuôi cha mẹ ; bữa ăn không có thức ăn, phải ra vườn hái rau dền rau muống về nấu canh cho cha mẹ ăn. Sau cha mẹ ông chết cả, ông mới đi sang nước Sở, được vua nước Sở dùng, cho làm quan sang, bổng-lộc nhiều. Nghĩ đến công cha mẹ, ông lấy làm đau-túi, muốn lại được đi đội gạo và nấu canh rau để phụng-dưỡng cha mẹ, thì không được nữa.

THƠ

負	米	供	甘	旨
寧	辭	百	里	勞
身	還	親	已	沒
獨	念	舊	幼	勞

Phiên âm

*Phụ mễ cung cam chỉ,
Ninh từ bách lý lao,
Thân hoàn thân dĩ một,
Do niệm cựu cù-lao.*

Giải nghĩa đen

Đội gạo để cung-cấp cha mẹ miếng ngọt miếng bùi,
Không nề-hà đường xa trăm dặm,
Đến lúc được sung-sướng thì cha mẹ chết rồi,
Vẫn nhớ đến công khó-nhọc của cha mẹ.

Dịch nôm

Dốc lòng phụng-dưỡng mẹ cha,
Đường đi đội gạo dù xa cũng gần.
Đến khi nhẹ bước thanh-vân,
Muốn mong báo-đáp, hai thân đâu còn ?

6. — DIỄM TỬ

Diễm Tử sinh vào đời nhà Chu, thờ cha mẹ rất hiếu ; cha mẹ tuổi già, mắt lòa, thêm uống sữa hươu, Diễm Tử lấy da hươu khô làm áo mặc, giả làm hươu con, vào rừng lán-la đến gần những con hươu mẹ

đề vắt lấy sữa. Một hôm gặp bọn người đi săn, tưởng là hươu con, dương cung toan bắn, Diễm Tử vội bỏ lột hươu con ra, và bày-tỏ cho người đi săn biết, người ấy mới thôi không bắn nữa.

THƠ

親	老	思	鹿	乳
身	披	鹿	皮	衣
若	不	高	聲	語
山	中	帶	箭	歸

Phiên âm

*Thân lão tư lộc nhữ,
Thân phi lộc bì y,
Nhược bất cao thanh ngữ,
Sơn trung đới tiễn quy.*

Giải nghĩa đen

Cha mẹ già thêm uống sữa hươu,
Minh mặc áo da hươu,
Nếu không vội kêu to lên,
Thì bị trúng phải tên bắn ở trong núi.

Dịch nôm

Sữa hươu tuổi-tác ước-ao,
Da hươu đội lột lần vào rừng xanh.
Gặp người nếu chẳng kêu nhanh,
Ắt là gặp sự chẳng lành xảy ra.

7. — LÃO LAI-TỬ 老萊子

Lão Lai-tử người nước Sở, sinh vào đời Xuân-thu, đã 70 tuổi hầy còn cha mẹ. Ông thờ cha mẹ rất hiếu. Không muốn để cho cha mẹ thấy ông đã già mà lo-buồn, ông thường mặc áo sặc-sỡ, nhõn-nhờ múa hát trước mặt cha mẹ, lại có khi ông bưng nước Lầu cha mẹ, ông giả cách ngã, rồi khóc oa oa, làm như đứa trẻ lên 7 lên 3 vậy. Ý ông là cốt để làm cho cha mẹ lúc nào cũng vui-vẻ trong lòng.

THƠ

戲 舞 學 嬌 瘦
春 風 動 綠 衣
雙 親 開 口 笑
喜 色 滿 庭 幃

Phiên âm

*Hý vũ học kiều sý,
Xuân phong động thái y,
Song thân khai khẩu tiếu,
Hỷ sắc mãn đình-vi.*

Giải nghĩa đen

Chơi đùa như thế trẻ em,
Gió xuân lay động áo hoa sắc-sỡ,
Hai cha mẹ cùng mở miệng cười,
Cảnh vui đầy cả cửa nhà.

Dịch nôm

Chơi đùa học lối trẻ-thơ,
Thấp cao điệu múa, phát-phơ áo mùi,
Hai thân cùng nở nụ cười
Gió xuân dầm-ấm, cảnh vui đầy nhà.

8. — ĐỒNG VĨNH 董永

Đồng Vĩnh sinh vào đời Hậu-Hán, nhà nghèo, tính rất hiếu, cha chết không có tiền chôn cất, phải đến một nhà giàu ở làng khác, vay tiền công dệt non, hẹn sau sẽ dệt trả 300 tấm lụa. Khi vay được tiền về chôn cất cha xong rồi, định đi đến nhà giàu để dệt trả lụa, đi được nửa đường, thì gặp một người con gái xin kết làm vợ chồng, nhưng giao-hẹn hãy cùng đi đến nhà giàu kia dệt lụa trả nợ đã, rồi mới về ăn-ở cùng nhau. Khi đã dệt đủ 300 tấm lụa, trả nợ xong rồi, hai người cùng về, đến chỗ gặp nhau khi trước, thì người con gái ấy biến mất. Vì Đồng Vĩnh có lòng hiếu-thảo cảm

động đến Trời, nên Trời sai tiên-nữ xuống giúp.

THƠ

葬 父 貸 孔 方
仙 姬 路 上 逢
織 練 債 債 主
孝 感 動 蒼 穹

Phiên âm

*Táng phụ thái không phương,
Tiên-cô lộ thượng phùng,
Chức khiêm thường trái chủ,
Hiếu cảm-động thương-khung.*

Giải nghĩa đen

Vay tiền để chôn cất cha,
Giữa đường gặp nàng tiên,
Dệt lụa trả chủ nợ,
Lòng hiếu cảm-động đến trời.

Dịch nôm

Vay tiền lo-liệu tang cha,
Giữa đường gặp ả tiên-nga giúp cùng,
Dệt lụa đủ, trả nợ xong,
Cho hay hiếu-thảo động lòng trời xanh.

9. — QUÁCH CỰ 郭巨

Quách Cự sinh vào đời nhà Hán, cửa nhà sa-sút, thờ mẹ rất hiếu. Hai vợ chồng mới sinh được một đứa con lên 3 tuổi, ông thường thấy bữa ăn mẹ ông không dám ăn nó, cứ bỏt lại để phần cho con mình ăn, vợ chồng bàn nhau rằng: vợ chồng mình còn đương-thì sinh-dễ, mẹ già chỉ có một lần, đã chẳng phụng-dưỡng mẹ được sung-túc, lại để cho con mình xẻ ngọt chia bùi của mẹ, thì không phải đạo. Bèn bàn nhau đào hố đem chôn đứa con đi; vợ cũng nghe theo lời ông. Khi đào hố mới

được đầu độ 3 thước, thì thấy có một hũ vàng, trên có chữ đề là: «hiếu-lử Quách Cự, hoàng kim nhất hũ, dụng dĩ tứ nhữ 孝子郭巨黄金一釜用以賜汝» Nghĩa là: «người con hiếu là Quách Cự, một hũ vàng đây để cho mày». Hai vợ chồng lại đem con về.

THƠ

郭	巨	思	供	給
埋	兒	願	母	存
黄	金	天	所	賜
光	彩	照	寒	門

Phiên âm

*Quách Cự tư cung cấp,
Mai nhi nguyện mẫu tồn.
Hoàng kim thiên sở tứ,
Quang thái chiếu hàn-môn.*

Giải nghĩa đen

Quách Cự chỉ nghĩ việc phụng-đưỡng mẹ,
Chôn con đi mong cho mẹ sống,
Trời cho được hũ vàng.
Đương nghèo được nên giàu-có.

Dịch nôm

Nhà nghèo hiếu-thảo dốc lòng,
Chôn con nuôi mẹ vợ chồng bàn nhau.
Hũ vàng dành dưới hố sâu,
Trời cho phút-chốc nên giàu lạ thay.

10. — KHƯƠNG THI 姜詩

Khương Thi sinh vào đời nhà Hán, vợ là Bàng-thị; hai vợ chồng đều hiếu-thảo cả. Mẹ chồng muốn uống nước sông, Bàng-thị hàng ngày đi gánh nước ở sông xa về: trời rét, mẹ muốn ăn gỏi cá tươi, vợ chồng cố đi tìm kiếm cho được đủ thứ đem về. Lại sợ mẹ có một mình buồn, thường thường mời các bà già ở hàng xóm sang chơi với mẹ cho vui. Sau tự-nhiên ở bên cạnh nhà có suối

nước ngọt chảy ra, đúng như vị nước sông, và ở
 tuổi ấy hàng ngày lại có hai con cá chép, đủ dùng
 làm gỏi ghém. Từ đấy vợ chồng không phải đi quây
 nước sông và đi kiếm cá nữa.

THƠ

舍	側	甘	泉	出
一	朝	雙	鯉	魚
子	能	知	事	母
婦	更	孝	於	姑

Phiên âm

*Xá trắc cam-tuyền xuất,
 Thất triều song lý-ngư,
 Tử năng tri sự mẫu,
 Phụ cánh hiếu ư cô.*

Giải nghĩa đen

Bên nhà có suối nước ngọt chảy ra,
 Mỗi ngày có hai con cá chép,
 Con trai đã biết đạo thờ mẹ,
 Nàng dâu lại hiếu với mẹ chồng.

Dịch nôm

Bồng đầu suối chảy bên nhà,
 Ngày đôi cá chép nhảy ra lệ thường.
 Chồng mà lấy hiếu làm cương,
 Ất là vợ phải noi gương theo chồng.

11. — THÁI THUẬN 泰順

Thái Thuận sinh vào đời nhà Hán, nhà nghèo,
 mồ côi cha từ thuở bé, thờ mẹ rất có hiếu. Bị năm
 loạn lạc kém đói, phải đi vào rừng tìm kiếm
 những quả dâu chín đem về ăn cho đỡ đói. Tìm
 được quả nào chín đem về ra một bên, còn quả đỏ
 để ra một bên. Gặp người tướng giặc Xích-my đi
 qua, trông thấy, hỏi : « Vì có gì lại để làm hai nơi
 như thế ? » Ông trả lời : « Quả nào chín đem thì

ngọt, để riêng để biếu mẹ tôi, còn quả nào đó thì
 chua, để riêng tôi ăn ». Người tướng giặc khen
 là có hiếu, bèn truyền quân lấy ra một thúng gạo
 và một cái dùi trâu để tặng ông.

THƠ

黑 啼 赤 斗	甚 健 眉 米	奉 淚 知 贈	盈 滿 孝 君	幃 衣 順 歸
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------

Phiên âm

*Hắc thâm phụng huyền uy,
 Đề cơ lệ mãn y,
 Xích-my tri hiếu thuận,
 Đầu mẽ tặng quán quy.*

Giải nghĩa đen

Quả dâu chín đen để biếu mẹ,
 Bụng đói nước mắt chảy thấm cả áo.
 Giặc Xích-my biết là người có hiếu,
 Tặng cho thúng gạo mang về.

Dịch nôm

Quả dâu đen, dành mẹ xoi,
 Lòng cam chịu đói, lệ rơi thấm bào,
 Xích-my giặc ấy cũng hào,
 Tặng cho gạo trắng một bao đem về.

12. — ĐÌNH LANG 丁蘭

Đình Lan sinh vào đời nhà Hán, mồ côi cha mẹ từ
 lúc bé, đến khi lớn lên, nhớ ơn cha mẹ thuê thợ tạc
 tượng cha mẹ bằng gỗ để phụng-thờ, ngày thì dâng
 2 bữa cơm, tối thì sửa-soạn chăn-gối, hầu-hạ chăm
 nom như lúc cha mẹ còn sống vậy. Phụng-thờ
 như thế hàng mấy mươi năm, sau người vợ ông
 sinh ra nản lòng, có một hôm người vợ lấy kim

châm vào kẽ tay tượng gỗ, tức thì có máu tươi chảy ra. Đến bữa cơm, ông bung cơm vào cúng, thấy tượng gỗ rơm-rớm nước mắt, ông xét kỹ mới biết là vì vợ ông châm kim vào tay tượng gỗ, ông tức thì đuổi bỏ ngay người vợ ấy đi.

THƠ

刻	木	為	父	母
形	容	在	日	辰
寄	語	諸	子	姪
各	要	孝	雙	親

Phiên âm

*Khắc mộc vi phụ mẫu,
Hình-dung tại nhật thần,
Ký ngôn chư tử điệt,
Các yếu hiếu song thân.*

Giải nghĩa văn

Tạc gỗ làm tượng cha mẹ,
Thờ-phượng giống như lúc còn sống.
Nhấn bảo các con cháu,
Ai ai cũng nên hiếu với cha mẹ cả.

Dịch nôm

Tạc hình cha mẹ như y,
Đem ngày thờ-phụng tựa khi sinh thời,
Nhấn khuyên con trẻ mấy lời,
Làm con phải hiếu, ai ơi ghi lòng.

13. — LỤC TÍCH 陸績

Lục Tích sinh vào đời Đông-Hán, mới lên 6 tuổi, đã biết hiếu-thảo. Có một hôm theo cha sang quận Cửu-giang với Viên Thuật; Thuật làm tiệc thết đãi. Tích thấy trong tiệc có quýt ngon, bèn lấy giấu 2 quả bỏ vào tay áo, khi ra về cúi chào Viên Thuật không may quýt ở trong tay áo rơi ra, Thuật nói đùa: «Sao lấy quýt giấu như thế? Tích trả lời:

« Vì mẹ tôi thích ăn quít, nhân thấy quít ngon, giấu đi vài quả đem về biếu mẹ tôi ». Thuật khen là người có hiểu.

THƠ

孝	悌	皆	天	性
人	間	六	歲	兒
袖	中	懷	綠	橘
遺	母	事	堪	奇

Phiên âm

*Hiếu để giai thiên tính,
Nhân-gian lục tuế nhi,
Tụ trung hoài lục quất,
Dị mẫu sự kham kỳ.*

Giải nghĩa đen

Lòng hiếu để do trời phú tính cho,
Đưa trẻ con lên 6 tuổi trong thế-gian này,
Giấu quít vào trong tay áo,
Đem về biếu mẹ cũng đáng lấy làm lạ.

Dịch nôm

Cho hay phú giữ thiên chân,
Lên sáu tuổi, biết hiếu thân mới kỳ,
Quít ngon mấy quả giấu đi,
Đem về biếu mẹ, những thì ước-ao.

14. — GIANG CÁCH 江革

Giang Cách sinh vào đời nhà Hán, mồ côi cha từ lúc bé, thờ mẹ rất hiếu, nhà nghèo, gặp buổi loạn-lạc, công mẹ đi lánh nạn, giữa đường gặp bọn giặc toan bắt ông đi, ông khóc van với giặc nói là ông còn mẹ già, chỉ có 2 mẹ con nương-tựa nhau, nay bị bắt đi, thì không có ai nuôi mẹ già. Bọn giặc nghĩ thương tình, tha không bắt ông đi nữa, ông công mẹ chạy về Hạ-bì, rồi ông cố sức làm thuê làm mướn, cùng nuôi mẹ được no đủ qua cơn loạn-lạc.

THƠ

賈 母 逃 危 艱
中 途 賊 犯 頻
哀 求 俱 獲 免
傭 力 以 供 親

Phiên âm

*Phụ mẫu đào nguy gian,
Trung đồ lặc phạm tần,
Ai cầu cầu hoạch miễn,
Dung lực dĩ cung thân.*

Giải nghĩa đen

Công mẹ đi tránh nạn,
Giữa đường gặp giặc bắt luôn luôn,
Kêu van đều được tha,
Cố sức làm thuê để nuôi mẹ.

Dịch nôm

Tránh nạn công mẹ gian-truân,
Giữa đường gặp giặc toan phần bắt đi,
Giải tình van lạy nần-ni,
Thoát vòng loạn-lạc, tới khi yên-lành.

15. — HOÀNG HƯƠNG 黃香

Hoàng Hương sinh vào đời Đông-Hán, năm lên 9 tuổi mẹ chết, thương khóc thảm-thiết, trong làng ai cũng khen là người có hiếu. Ở với cha, sớm khuya hầu-hạ, không lúc nào rời, mùa đông thì nằm ủ vào chăn-chiếu của cha để lấy hơi nóng của mình vào chăn-chiếu cho cha khỏi lạnh, mùa hè thì lấy quạt quạt màn-gối của cha cho hết hơi nóng, vì thế cha lúc nào cũng được vui-vẻ, quanh năm không biết có mùa đông mùa hè. Quan thái-thú quận ấy thấy Hương là người hiếu-thảo, làm sơ tâu lên vua Hán ban cho Hương tấm biển chữ vàng là người con hiếu-hạnh.

THƠ

冬 日 温 余 煖
爽 天 扇 枕 凉
兒 童 知 子 職
千 古 一 黃 香

Phiên âm

*Đông nhật ôn khâm noãn,
Viên thiên phiến chằm lương,
Nhi đồng tri tử chức,
Thiên cổ nhất Hoàng Hương.*

Giải nghĩa đen

Mùa đông thì ủ cho ấm chăn,
Mùa nực thì quạt cho mát gối,
Trẻ thơ đã biết đạo làm con,
Nghìn xưa chỉ có một Hoàng Hương mà thôi.

Dịch nôm

Đông thì ủ ấm chiếu-chăn,
Hè thì quạt mát mọi phần nong-oi,
Trẻ thơ đã biết hiếu rồi,
Nghìn thu chỉ có một người không hai.

16. — VƯƠNG THỜI

Vương Thời người nước Ngụy (đời Tam-quốc) cha ông làm quan triều Ngụy, sau Tây-Tấn diệt Ngụy, nhất thống thiên-hạ, cha ông bị Tây-Tấn giết hại, ông thương xót quá, phục ở bên mộ mà khóc mãi, đến nổi nước mắt của ông chảy ra thấm xuống gốc cây trúc bên mồ tươi lại. Cả đời ông không bao giờ ngồi ngảnh mặt về hướng tây (vì Tây-Tấn ở về phương tây); đề tỏ ý ông không làm tòi nhà Tây-Tấn. Mẹ ông lúc sinh thời hay sợ sấm, nên khi mẹ ông chết rồi, hễ khi nào mưa có sấm; ông lại ra ấp mồ và khấn rằng: « có con ở đây rồi », đề cho vong hồn mẹ khỏi sợ. Ông là người tài giỏi, vua

nhà Tây-Tấn thường mời ra làm quan, ông nhất định không chịu, ở nhà mở trường dạy học, mỗi khi ông giảng sách cho học-trò, đến thiên Lục-Nga trong Kinh Thi có câu rằng : phụ hề, sinh ngã 父兮生我 thì ông lại thương cha chảy nước mắt khóc. Vì thế, học-trò ông cũng cảm-động, bỏ thiên Lục-Nga không dám đọc đến nữa.

THƠ

慈	母	怕	聞	雷
冰	魂	宿	夜	臺
阿	香	時	一	震
到	墓	繞	千	回

Phiên âm

*Từ mẫu phạ văn lời,
Băng hồn túc dạ đài,
Át hương thời nhất chấn,
Đáo mộ nhiều thiên hồi.*

Giải nghĩa đen

Mẹ hiền sợ nghe sấm
Hồn thom nằm dưới suối vàng,
Khi thấy có tiếng sấm động,
Đến mộ mẹ đi quanh nghìn lần.

Dịch nôm

Mẹ xưa tính sợ sấm vang,
Hồn thom ở chốn suối vàng những lo.
Mỗi khi mưa gió sấm to,
Thân ra ấp mộ quanh-co nghìn vàng.

17. — NGÔ MÃNH 吳猛

Ngô Mạnh sinh vào đời nhà Tấn, lên 8 tuổi, thờ cha mẹ rất hiếu, nhà nghèo, mùa hè nhiều muỗi, không có tiền mua màn, ông sợ cha mẹ bị muỗi đốt không ngủ được, ông cởi trần nằm cho muỗi đốt, không dám xua, sợ rằng nếu mình xua đi thì muỗi lại đến đốt cha mẹ chẳng ?

THƠ

夏	夜	無	蚊	張
蚊	多	不	敢	揮
恣	渠	飽	膏	血
免	使	入	親	幃

Phiên âm

*Hạ dạ vô văn trướng,
Vấn đa bất cảm huy,
Tứ cửu bảo cao huyết,
Miễn sử nhập thân vi.*

Giải nghĩa đen

Đêm mùa hè không có màn,
Muỗi nhiều không dám xua,
Cho nó đốt no máu của mình,
Đề nó khỏi đến chỗ cha mẹ nằm.

Dịch nôm

Đêm hè lắm muỗi không màn,
Tha hồ muỗi đến hàng đàn vo ve,
Trần mình cho muỗi no-nê,
Hai thân được ổn giấc hoè là hơn.

18. — VƯƠNG TƯỜNG 王祥

Vương Tường sinh vào đời nhà Tấn, mẹ chết sớm, ở với cha, bị mẹ kế cay-nghiệt, ngày thường xui-giục, làm cho cha ông ghét-bỏ ông, nhưng ông vẫn dốc lòng hiếu-thảo với cha và mẹ kế. Mùa đông nước đóng băng, mẹ kế muốn ăn cá tươi, ông cõng trần nằm trên băng nước, để tìm cá, bỗng tự nhiên băng nước nứt đôi ra, có hai con cá chép nhảy lên, ông đem về cho mẹ kế xơi. Thấy ông hiếu-thảo như thế, sau cha và mẹ kế ông cảm-động, lại yêu-quý ông lắm.

THƠ

繼	母	人	間	有
王	祥	天	下	無

至 今 河 上 水
一 片 卧 冰 無

Phiên âm

*Kể mẫu nhân-gian hữu
Vương Trường thiên-hạ vô,
Chi kim hà thượng thủy,
Nhất phiến ngọc băng vô.*

Giải nghĩa đen

Mẹ kể thì nhân-gian thường có.
Hiếu như Vương Trường thì thiên-hạ không có ai,
Đến bây giờ ở trên sông
Chả có ai nắm trần mình trên vầng nước cả.

Dịch nôm

Nhân-gian mẹ kể là thường,
Lòng con hiếu tựa Vương Trường có đâu!
Gẫm xem từ đây về sau,
Nằm trần trên vầng nước sâu mấy người.

19. — DƯƠNG HƯƠNG 楊香

Dương Hương sinh vào đời nhà Tấn, mới 14 tuổi, tính rất hiếu, cha đi đâu cũng theo đi hầu. Có một hôm, hai cha con cùng đi thăm ruộng đường xa, giữa đường gặp con hổ nhảy sỏ đến định vờ cha ông, ông tay không, quyết xông vào đánh nhau với hổ, hổ phải bỏ chạy, cha con đều được vô sự cả.

THƠ

深 山 逢 白 額
弩 力 搏 腥 風
父 子 俱 無 恙
脫 離 虎 口 中

Phiên âm

*Thâm sơn phùng bạch ngạch,
Nỗ lực bác tinh phong,
Phụ tử câu vô恙,
Thoát ly hồ khẩu trung.*

Giải nghĩa đen

Chốn rừng sâu gặp con hồ trắng má,
Cố sức đánh đuôi giống hoi-tanh,
Cha con đều vô sự cả,
Khỏi được tai-nạn bị hồ ăn thịt.

Dịch nôm

Giữa rừng gặp cọp tay không,
Dù rằng thú dữ quyết xông đánh liền,
Cha con đều được bình-yên,
Miệng hăm đã thoát đoàn viên cùng về.

20. — MẠNH TÔNG 孟宗

Mạnh Tông người ở Giang-hạ, về đời Tam-quốc, mồ côi cha, ở với mẹ, linh rất hiếu. Một hôm mẹ bị ốm, thèm ăn canh măng, nhưng về khi ấy đương mùa đông, khó tìm được măng, ông lần vào rừng tre, một mình ngồi khóc, bỗng chốc có mấy giò măng mọc ở dưới đất lên, ông đem về nấu canh cho mẹ xơi, rồi mẹ khỏi ốm.

THƠ

淚	泣	朔	風	寒
蕭	蕭	竹	數	竿
須	臾	冬	笋	出
天	意	報	平	安

Phiên âm

*Lệ khắp sóc phong hàn,
Tiêu tiêu trúc số can,
Tu du đông duãn xuất,
Thiên ý báo bình an,*

Giải nghĩa đen

Ngồi khóc trong khi gió bắc rét lạnh.
Lèo tèo có mấy cây tre,
Phúc chốc măng mùa đông mọc ra.
Ý trời cho mẹ được khỏi bệnh.

Dịch nôm

Mùa đông gió bắt lạnh lùng,
Một mình sùi-sụt trong vùng rừng tre,
Bông đầu mặng mọc đem về,
Mẹ xoi, bệnh đã mọi bề tiêu-tan

21. — SỬU KÌM LÂU

Kim Lâu người nước Tề, tính rất hiếu, được bổ làm thái-thú ở quận Bình-lãng, đến nhận chức chưa được 10 hôm, bỗng tự nhiên thấy tâm thần bàng hoàng, mồ hôi chảy ra như tắm, ông biết là ở nhà có việc chẳng lành, bèn từ chức về quê; khi về đến nhà thì cha bị ốm đã 2 ngày, ông thấy thầy thuốc nói rằng: « những người ốm mà phân đắng thì dễ chữa, không đáng lo ngại, người nào ốm mà phân ngọt thì khó chữa »; ông ném phân của cha thấy ngọt, ông lấy làm lo-ngại, cứ đêm đêm 3 lần đốt hương hướng về sao Bắc-đẩu mà khẩn, xin chết thay cho cha. Sao năm thấy có người cầm một thẻ vàng có mấy chữ: « sắc trời cho bình-an ». Ngày hôm sau cha ông được qua khỏi.

THƠ

到	縣	未	旬	日
椿	堂	遭	疾	深
願	將	身	代	死
嘗	奠	起	憂	心

Phiên âm

*Đào huyện vị tuần nhật,
Xuân-đình tao tậi thâm,
Nguyễn tương thân đại tử,
Thường phẫn khởi ưu tâm.*

Giải nghĩa đen

Làm quan đến nhậm chức chưa được 10 ngày.
Cha ở nhà bị đau nặng.
Xin lấy mình chết thay cho cha,
Ném phân sinh lòng lo-ngại.

Dịch nôm

Tới huyện-nha, chữa bao lâu,
Xuân-đường thoát bị bệnh đau ở nhà,
Khẩn trời xin chết thay cha,
Nếm phân thấy ngọt biết là bệnh nguy.

22. — THÔI PHỤ ĐƯỜNG-THỊ 崔婦唐氏

Đường-thị là vợ một nhà họ Thôi, thờ mẹ chồng rất hiếu, mẹ chồng tuổi già răng móm, không nhai được cơm. Đường-thị cứ hằng ngày tắm-rửa sạch-sẽ, rồi đến cho mẹ chồng bú; hàng mấy năm mẹ chồng không phải ăn cơm mà cũng no. Cảm ơn ấy mẹ chồng không biết lấy gì đáp lại, khi mẹ chồng sắp chết, có khẩn-nguyện với trời xin cho con-cháu dâu nhà họ Thôi ngày sau, ai ai cũng được hiếu-thảo như Đường-thị cả. Rồi sau các con-cháu dâu nhà họ Thôi bắt chước nhau người nào cũng hiếu-thuận. Vì thế, nhà họ Thôi được hưng-thịnh.

THƠ

孝	報	崔	家	婦
乳	姑	親	盥	梳
此	恩	無	以	報
願	得	子	孫	如

Phiên âm

*Hiếu báo Thôi gia phụ,
Nhũ có thân quán sơ,
Thử ân vô dĩ báo,
Nguyện đắc tử tôn như.*

Giải nghĩa đen

Vợ họ Thôi ở có hiếu với mẹ chồng.
Hàng ngày tắm-rửa rồi cho mẹ chồng bú,
Ơn ấy mẹ chồng không lấy gì báo lại,
Khẩn trời mong cho con cháu dâu của Đường-thị lại hiếu-thảo với Đường-thị.

Dịch nôm

Dâu họ Thôi hiếu-thảo thay,
Cho mẹ chông bú, hằng ngày tắm lau,
Giả ơn khẩn nguyện về sau,
Dâu nào cũng hiếu như dâu họ Đường.

23. — CHU THỌ XƯƠNG 朱壽昌

Chu thọ Xương sinh vào đời nhà Tống, ông là con vợ thứ, năm ông lên 7 tuổi, thì mẹ dích ông đuổi mẹ ông đi, sau ông được làm quan, nghĩ đến công mẹ đẻ khó nhọc, nay mình được sung-sướng, để mẹ đẻ lưu-lạc trong lòng không đang. Ông quyết từ quan đi tìm mẹ đẻ. Trước khi đi, ông có thề rằng : « nếu không tìm thấy mẹ, thì chết cũng đành ». Sau ngẫu-nhiên đi đến Đồng-châu thì mẹ con gặp nhau. Mẹ con xa cách nhau đã 50 năm nay lại được gặp nhau, rất là vui-vẻ, ông bèn đem mẹ về phụng-dưỡng.

THƠ

七	歲	生	離	母
參	商	五	十	年
一	朝	相	見	面
喜	氣	動	皇	天

Phiên âm

*Thất tuế sinh ly mẫu,
Sâm Thương ngũ thập niên,
Nhất triều tương kiến diện,
Hỷ khí động Hoàng Thiên.*

Giải nghĩa đen

Lên 7 tuổi bị lìa xa mẹ đẻ,
Như sao hôm sao mai đã 50 năm trời,
Một sớm được thấy mặt nhau,
Vui-mừng cảm-động đến trời.

Dịch nôm

Mẹ con chia rẽ đôi nơi,
Sám Thương xa cách năm-mười năm tròn,
Bỗng dẫu mẹ lại gặp con,
Mừng này ai biết hãy còn hôm nay.

24. — HOÀNG ĐÌNH KIÊN 黃庭堅

Hoàng đình Kiên sinh vào đời nhà Đường, làm quan đến chức Thái-sử (quan coi việc chép sử) thờ cha mẹ rất hiếu, tuy mình làm quan sang, có nhiều đầy-tớ hầu-hạ nhưng các đồ của cha mẹ dùng để đại tiện, dù dơ-bẩn đến đâu, ông cũng tự tay rửa lấy, không sai người nhà lau rửa bao giờ cả.

THƠ

責	顯	聞	天	下
平	生	孝	事	親
親	身	務	溺	器
不	用	喚	家	人

Phiên âm

*Quý hiền văn thiên-hạ,
Binh sinh hiếu sự thân,
Thân thân dịch niệu khí,
Bất dụng hoán gia-nhân.*

Giải nghĩa đen

Giàu-sang thiên-hạ ai cũng biết tiếng,
Ngày thương thờ cha mẹ rất hiếu,
Chinh tay mình rửa đồ dơ đại tiện
của cha mẹ,
Không sai người nhà làm việc ấy bao giờ cả.

Dịch nôm

Dù mình chức trọng quyền cao,
Tấm lòng hiếu-thảo khi nào dám sai,
Đồ thân dùng dẫu bẩn hôi,
Tay rửa lấy, chẳng sai ai bao giờ.

NHỊ-THẬP-TỨ HIẾU DIỄN CA

KHAI - MÀO

Người tai mắt (1) đứng trong trời đất,
Ai là không cha mẹ sinh-thành,
Gương treo đất nghĩa trời kinh (2),
Ở sao cho xứng chút tình làm con.
Chữ hiếu niệm cho tròn một tiết,
Thì suy ra trăm nét đều nên (3),
Chẳng xem thuở trước thánh-hiền,
Thảo (4) hai-mươi-bốn, thơm nghìn muôn thu
(5).

(1) Làm người phải tai nghe tinh, mắt trông sáng.

(2) Bởi câu chữ Hán ở sách Hiếu-kinh : *Hiếu giả thiên chi kinh dã, địa chi nghĩa dã* 孝者天之經也,地之義也: Hiếu là đạo thường của trời, lễ phải của đất.

(3) Bởi câu chữ Hán : *Hiếu vi bách hạnh chi tiên* 孝為百行之先: Hiếu là đầu trăm nét. Và câu : *Nhất hiếu lập nhị vạn thiên tông* 一孝立而萬善從: đã biết hiếu thì muôn điều hay bởi đấy mà ra.

(4) Tức là hiếu.

(5) Mùa thu, tức là năm. Muôn thu : muôn năm.

1. — VUA ĐẠI THUẤN NHÀ NGU

Đức đại thánh họ Ngu, vua Thuấn (1).
Buổi tiềm long (2) gặp vận hàn-vi,
Tuổi xanh (3) khuất bóng từ-vi (4)
Cha là Cồ Tâu (5) người thi ương-ương.
Mẹ ghẻ (6) lại tính cang khe-khắt (7)
Em Trọng (8) thêm rất mực kiêu-ngoa,
Một mình thuận cả vừa ba (9)
Trên chiều của mẹ, dưới hòa cùng em.
Trăm cay-đắng, một niềm ngon-ngọt,
Dấu tử sinh không chút biến dời,
Xót tình khóc tối, kêu mai (10),
Xui lòng ghen-ghét hóa vui dần dần (11).

(1) Tên là Thuấn 舜, làm vua nhà Đại-Ngu 大虞 bên Tàu ngày xưa.

(2) Bối chữ *Tiềm-long* 潛龍 trong quẻ Kiền 乾. Kinh Dịch 易: con rồng còn ẩn nấp dưới vực, ý nói lúc chưa gặp thời.

(3) Bối chữ thanh-niên 青年, nói lúc còn ít tuổi, tuổi còn xanh.

(4) Từ 慈 là lành, hiền; vi 幃 là cái màn che trong nhà nói bóng là mẹ. Câu này nói bóng là mẹ chết sớm.

(5) Cồ Tâu 瞽瞍: mù lòa, vì cha sinh ra vua Thuấn không biết kẻ hay người dở, có mắt cũng như mù, cho nên người đời bấy giờ tặng cho cái tên là Cồ Tâu.

(6) Tức là mẹ kế.

(7) Ác-nghiệt.

(8) Em cùng cha khác mẹ với vua Thuấn.

(9) Cha, mẹ và em là ba người.

(10) Bối câu chữ Hán trong sách Mạnh-tử: *Thuấn vãng ư diên, hảo khắp vu mãn thiên*, 舜往于田, 號泣于旻天: Vua Thuấn mỗi khi ra cày ruộng, lại kêu khóc với trời, cầu cho cha mẹ kế đổi tâm lại.

(11) Lòng cha và mẹ kế ghét vua Thuấn, thì dần dần cũng hồi tâm lại.

Trời cao thăm mấy lần cũng đến,
Vật vô tri cũng mển lợ người,
Mấy phen non Lịch (1) pha-phôi,
Cỏ, chim vi nhật, ruộng, voi vi cây (2).
Tiếng hiếu hữu (3) xa bay bệ thánh (4),
Mệnh trưng-dung (5) trao chánh nhường
ngôi,
Cầm-thi (6), xiêm áo thánh-thời (7)
Một nhà đầm-ấm, muôn đời ngợi-khen.

2. — VUA VĂN-ĐẾ NHÀ HÁN

Kia Văn-đế vua hiền Hán-dại (8),
Vàng ấn phong ngoài cõi Phiên-vương (9)

(1) Núi Lịch-son 歷山

(2) Bởi câu chữ Hán : *Tượng canh điều vân 象耕鳥耘*: voi cây ruộng chim nhật cỏ, ý nói lòng hiếu cảm cả đến loài chim muông là loài vô tri-thức.

(3) Hữu 友 : là hòa-thuận và yêu-dấu em.

(4) Chỗ vua ngồi, đến tai vua Nghêu biết là người hiếu hữu.

(5) Trưng-dung 徵庸 : gọi ra mà dùng, trao chính-quyền nhường ngôi vua cha.

(6) Cầm 琴 : đàn cầm. Thi 詩 : thơ bởi câu chữ Hán : *Thuấn đàn ngũ huyền chi cầm, ca nam phong chi thi 舜彈五絃之琴, 歌南風之詩*: vua Thuấn gảy đàn-cầm 5 giây, hát bài thơ gió nam.

(7) Bởi câu chữ Hán : *Thùy thường nhi thiên-hạ trị 垂裳而天下治*: mặc áo xiêm ngồi đấy mà thiên-hạ thịnh trị.

(8) Hán-dại 漢代 : đời nhà Hán.

(9) Phiên-vương 藩王 : một chức vua Chư-hầu. Văn-đế trước được anh là Huệ-đế phong làm vương ở đất Đại-đại nên gọi là Phiên-vương (có bản chép là Tân-vương).

Quên mình chức cả quyền sang,
Phụng thờ Bạc-hậu (1) lễ thường chẳng sai (2).
Đến khi nổi ngôi trời trị nước,
Vẫn lòng này sáng-sắc như xưa,
Me khi ngại gió kinh mưa (3),
Ba năm hầu-hạ, thường như một ngày.
Mắt chong bóng dấm sai giấc ngủ (4),
Áo luôn mình dấm sỏ đai lưng (5),
Thuốc thang mắt xét, tay nâng,
Có tường trong miệng, mới dăng dưới màn (6),
Tiếng nhân-hiếu (7) đồn vang thiên-hạ,
Thói thuần-lương (8) hóa cả lê-nguyên (9).

(1) Bạc-hậu 薄后 : mẹ đẻ vua Văn-đế, là vợ thứ của vua Hán cao-tò.

(2) Tức là : *thần định hôn tỉnh* 宸定昏省 : sáng viếng tối thăm, lễ thường của đạo làm con.

(3) Ốm-dầu.

(4) Thức cả đêm không dám ngủ.

(5) Cứ đóng mũ áo đai cân đứng hầu mẹ ốm không dám cởi áo bỏ đai.

(6) Người đưa thuốc đến thì Văn-đế phải nể trước xem có thuốc độc không đã, rồi mới dám dâng hầu mẹ uống. Theo đúng câu « *thần ồm dược tử tiên thường chi* 視飲藥于先嘗之 ».

(7) Nhân 仁 : có lòng nhân-từ đối với nhân-dân. Hiếu 孝 : có lòng hiếu với mẹ.

(8) Thuần-lương 醇良 : thuần-hậu, lương-thiện.

(9) Lê-nguyên 黎元 : dân đen, dân-chúng, ý nói các dân chúng trong thiên-hạ lúc bấy giờ ai cũng hóa ra thuần-hậu lương-thiện cả.

Hai mươi năm lễ kiến-khôn (1),
Đã sau Tam-Đại (2), hãy còn Thành, Khang (3).
Ấy hay vị đế-vương đời trước,
Chữ hiệu dành đá tạc vàng in (4),
Còn ra sĩ, thứ, đấng hiền (5),
Đến xem mấy kẻ tiếng truyền đến nay.

3. — TẶNG-TỬ ĐỜI NHÀ CHU

Đời Chu-mạt (6) có thầy Tăng-tử,
Thờ mẹ cha thời giữ chí thành (7),
Bữa thường rượu thịt ngon-lành
Cho ai, vàng cử đình-ninh chẳng rời (8).

(1) *Kiến* 乾 : trời. *Khôn* 坤 : đất, ý nói vua Văn-đế ở ngôi hơn 20 năm.

(2) *Tam-Đại* 三代 : tức là nhà Hạ 夏, nhà Thương 商 và nhà Chu 周.

(3) *Thành* là vua Thành-vương 成王, *Khang* là vua Khang-vương 康王 nhà Chu, hai ông này làm vua, trong nước được thịnh-trị cả. Ý nói nhà Hán vào sau nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu, mà vua Văn-đế làm vua thiên-hạ được thịnh-trị như đời vua Thành-vương và Khang-vương ngày trước.

(4) Lòng hiếu của vua Thuấn và vua Văn-đế đáng làm gương làm bia cho mọi người.

(5) *Sĩ* 士 người làm quan. *Thứ* 廣 : người dân thường, *Hiền* 賢 : các bậc hiền-triết.

(6) *Chu-mạt* 周末 : đời cuối nhà Chu.

(7) *Chí thành* 至誠 : rất thành thực.

(8) Bữa cơm cha mẹ ăn xong, còn thừa món ăn gì, ông Tăng-tử hỏi cha mẹ định để cho ai, thì cứ tuân theo ý của cha mẹ mà đem cho người ấy.

NHỊ THẬP TỬ HIẾU

Nhà bần-bạc (1) thường vui hái củi,
Quãng mù xanh (2) thui-thủi non sâu,
Mẹ ngồi tựa bóng cửa sậu (3),
Nhân khi khách đến, trông mau con về.
Rối trong dạ nhân khi cùng-túng (4),
Cắn ngón tay cho động lòng con,
Trông non bồng chốc bần-chồn,
Quặn đau khúc ruột, bước dồn gót chân (5).
Quý dưới gối ghé gần thưa hỏi,
Lắng bên tai nghe giải nguồn cơn,
Cho hay từ, hiếu, tương-quan (6),
Non Đồng khi lở, khôn hàn tiếng chuông (7).

(1) Bần-bạc 貧薄 : nghèo-túng.

(2) Chỗ rừng xa tích mù xanh.

(3) Bởi câu chữ Hán : Ý lư nhi vọng 倚閭而望 trong truyện Vương tôn Giả 王孫賈 : tựa cửa mà mong : khi nào con đi vắng, thì mẹ ngồi tựa cửa mong con về.

(4) Vì con đi kiếm củi rừng xa vắng, mà có khách đến chơi, không biết làm thế nào cho con về ngay được.

(5) Vội-vàng đi mau về nhà.

(6) Từ, hiếu tương-quan 慈孝相關 : lòng nhân-tử của mẹ và lòng hiếu-thảo của con có liên-quan với nhau.

(7) Bởi câu chữ Hán : Đồng sơn tây khuynh, Lạc chung đồng ứng 銅山西傾, 洛鐘東應 : núi Đồng ở phương tây bị đổ thì cái chuông ở đất Lạc-dương về phương đông tự-nhiên có tiếng vang theo : ví với tình mẹ (núi Đồng) con (cái chuông) có liên-quan cảm-ứng với nhau, như Tăng-tử ở trong rừng, ở nhà mẹ cắn ngón tay, mà Tăng-tử thấy đau ruột.

4. — MẪN TỬ-KHIÊN NHÀ CHU

Thầy Mẫn-tử rất đường hiếu-nghĩa,
Xót nhà huyên (1) quanh-quẽ (2) đã lâu,
Thờ cha sớm viếng, khuya hầu (3)
Chẳng may gặp phải mẹ sau nông-nàn (4).
Trời đương tiết đông-hàn (5) lạnh-lẽo,
Hai em thời kếp áo (6) dày bông,
Chẳng thương chút phận long-dong,
Hoa lau (7) nở đê lạnh-lùng một thân (8).
Khi cha dạo (9) theo chân xe đẩy (10),
Rét căm-căm nên xảy rời tay,

(1) Nhà *Huyên* tức là *Huyên-đường* 萱堂 *Huyên* tức là *vong ưu thảo* 忘憂草 là cỏ quên lo, hay là *nghi nam thảo* 宜草 男 là cỏ hay đẻ con trai. Ngày xưa chỗ đằng sau buồng người mẹ ở hay trồng cỏ huyên, để cho quên sự lo buồn và hay đẻ con trai, cho nên sau này thường lấy cỏ huyên để nói bóng là mẹ.

(2) Đây ý nói là mẹ đẻ ra Mẫn-tử chết đã lâu.

(3) Bởi câu chữ Hán : *thần định hôn tỉnh* 晨省昏省 đã thích nghĩa ở trang 34 số 2.

(4) Mẹ sau-tức là mẹ kế (người vợ kế của cha) *nông-nàn* : cay-nghiệt.

(5) *Đông-hàn* 冬寒 : mùa đông rét.

(6) Mặc nhiều áo.

(7) Lấy hoa lau cho vào trong áo giả làm bông.

(8) Một mình Mẫn-tử.

(9) Dạo là đi dạo chơi.

(10) Đẩy xe cho cha.

Cha nhìn ngẫm-nghĩ mới hay,
Nghiến răng (1) rắp cắt đứt giây xương tủy (2),
Gạt nước mắt, chân quý miệng gửi (3) :
« Lạy cha, xin xét lại nguồn cơn,
« Mẹ còn, chịu một thân đơn (4)
« Mẹ đi, lưỡng đề co-hàn cả ba (5) ».
Cha trông xuống cũng sa giọt tủy,
Mẹ nghe lời (6) cũng đổi lòng xưa,
Cho hay hiếu cảm nên từ (7),
Thấm lâu như đá cũng rừ lọ ai (8) ?

5. — TỬ LỘ NƯỚC LỖ

Thầy Tử Lộ cũng người nước Lỗ,
Thờ hai thân (9) từng bữa canh lè (10),

(1) Nghiến răng : Ý nói là tức lắm.

(2) Bởi câu chữ Hán *phu xương phụ tủy* 夫唱婦隨 : chồng xương xuất ra việc gì, vợ tuân theo mà làm, tức là đạo vợ chồng, đây ý nói là người cha tức lắm muốn bỏ người vợ kể ấy đi.

(3) Gửi tức là thưa.

(4,5) Bởi câu « *mẫu lại nhất tử hàn, mẫu khứ tam tử dan* 母在一子寒 母去三子單 » (lời Mẫn-tử xin với cha).

(6) Biết chuyện như thế.

(7) Lòng hiếu của Mẫn-tử làm cho cảm-động người mẹ kể cay-nghiệt hóa ra nhân-từ.

(8) Trơ như đá mà nước chảy mãi cùng phải mòn đi.

(9) Hai cha mẹ.

(10) Nấu canh bằng rau lè, như rau dền rau muống chẳng hạn, ý nói cảnh nhà nghèo.

- Thường khi đội gạo đi về (1),
Xa-xôi trăm dặm, nặng-nề hai vai.
Đỉnh Hoa-biểu (2) từ khơi bóng hạc (3),
Gót Nam-du (4) nhẹ bước tang-hồng (5),
Xe trăm cỗ (6), thóc muôn chung (7),
Ngồi chõng đệm ghép (8), ăn chõng vạc cao (9).
Thân phú-quí ngấm vào thêm tũ (10),

(1) Bởi câu chữ Hán: *Vị thân phụ mễ ư bách lý chi ngoại* 為親負米於百里之外: vì bố mẹ phải đi đội gạo ở đường xa trăm dặm.

(2) Hoa-biểu 華表: cái cột đá ở mã. Đỉnh lệnh Uy ngày xưa chết đi, hồn hóa làm con chim hạc, thường đem bay về đậu ở cái cột đá trên mã.

(3) Bởi câu chữ Hán: *Hạc khứ lâu không* 鶴去樓空: Chim hạc bay đi rồi, chỉ còn nhà không. Vì ngày xưa Thôi Đạo chết rồi, có người bạn đến thăm đề vào vách bốn chữ « hạc khứ lâu không » nên sau này thường dùng chữ « hạc » đề nói là người chết.

(4) Nam-du 南遊: Đi du-thuyết miền Nam, ông Tử Lộ làm quan nước Sở, vì Sở ở về phương Nam.

(5) *Tang*: cây dâu để làm cung. *Bồng*: cỏ bông để làm tên bắn; cung tên là công-nghiệp của nam-nhi, cho nên nói về chí-khí của nam-nhi thường dùng chữ tang-bồng.

(6) Bởi chữ: *thiên tứ* 千駟: nghìn cỗ xe, tức là quan to.

(7) Bởi chữ: *lộc vạn chung* 祿萬鍾: ăn lương muôn thùng thóc, tức là lương nhiều.

(8) Bởi chữ: *tạo trùng nhân* 坐重茵: xe ngồi trải 2 cái đệm.

(9) Bởi chữ: *đỉnh thực* 鼎食: nấu món ăn bằng vạc. Những nhà quyền-quí ngày xưa, thổi cơm hay nấu món ăn toàn bằng vạc cả.

(10) Nghĩ lúc mình phú-quý thì cha mẹ không còn, lấy làm tũi-cực lắm.

Đức cù-lao (1) chạnh tới càng đau,
Nào khi đội gạo, canh rau,
Muốn còn như cũ, dễ hầu được ru !
Lòng thắc-mắc nghìn thu vẫn để,
Biết bao giờ cam-chỉ (2) dền công,
Cho hay dạ hiếu khôn cùng,
Dẫu Tam-Công chẳng đổi lòng thần-hôn (3).

6. — DIÊM-TỬ

Chu, Diêm-tử làm con rất thảo,
Chiều hai thân (4) tuổi lão niên cao (5),
Mắt trần khuất nguyệt mờ sao (6),
Sữa hươu người những ước-ao từng ngày.
Vật khó kiếm khôn hay thương đổi,
Phải lo phương tìm-tỏi cho ra,
Hươu khó tìm lột lấy da,
Mặc làm sắc áo để hòa lẫn thợ (7).

(1) Cù-lao 劬勞 : công cha mẹ khó-nhọc.

(2) Cam 甘 : là ngọt. Chỉ 旨 : miếng ngon : tức là miếng ngọt miếng bùi.

(3) Bởi câu : Nhất nhật dưỡng bất dĩ tam công hoán 一日不以養三公換 : được nuôi cha mẹ một ngày còn hơn là làm quan đến chức tam công. Thần hôn 晨昏 là buổi sáng buổi chiều thăm nom cha mẹ.

(4) Hai thân chỉ cha và mẹ.

(5) Niên cao 年高 : tuổi già, nhiều tuổi.

(6) Tuổi già mắt lòa không trông thấy gì.

(7) Để lẫn lộn với đàn hươu con khác.

Chốn non thăm tìm vào bầy-lúa,
Sẽ dần-dà lấy sữa nuôi thân (1),
Bồng đầu gặp lũ đi săn,
Rắp buông cung bắn khôn phân vật người (2).
Đem tâm-sự tới nơi bầy-tỏ,
Chút hiếu tình nghe rõ cũng thôi,
Cho hay chung một tình trời,
Mảnh son (3) cũng động được người vũ-phu
(4).

7. — LÃO LAI-TỬ

Lão Lai-tử đời Chu, cao-sĩ (5),
Thờ hai thân (6) chẳng trễ ngọt bùi,
Tuổi già đã đúng bảy mươi,
Nói-năng chẳng chút hờ môi răng già.
Khi thông-thả mẹ cha ngồi trước,
Ghé gần vào bắt-chước trẻ thơ (7),
Thấp cao điệu múa nhỡn-nhờ,
Xênh-xoang màu áo, bạc phơ mái đầu (8).

(1) Đề dần-dà vất lấy sữa hươu đem về nuôi cha mẹ.

(2) Người đi săn không phân biệt được là người hay hươu con.

(3) Bội chữ : *nhất phiến đan tâm* 一片丹心 : một mảnh lòng son.

(4) Vũ-phu 武夫 : người võ-viên.

(5) Cao-sĩ 高士 : người tài giỏi, cao đạo.

(6) Cha mẹ.

(7) Ghé gần vào cha mẹ làm nũng-nịu như là trẻ con.

(8) Ông Lão Lai đầu đã bạc phơ, mặc áo đỏ lòe, rồi múa-men ở trước mặt cha mẹ.

Chốn đường thượng (1) khi hầu bưng nước
Giả làm điều ngả trước thềm hoa,
Khóc lên mấy tiếng oa oa
Tưởng chừng lên bảy lên ba thuở nào.
Trên tuổi-tác (2) trông vào vui-vẻ,
Áng đình-vi (3) gió thụ mưa xuân (4)
Cho hay nhân tử sự thân (5),
Trong trăm năm (6) được mấy lần ngày vui.

8. — ĐỒNG VĨNH ĐỜI HẬU-HÁN

Đời Hậu-Hán (7) có người Đồng Vĩnh,
Nhà rất nghèo mà tính rất thanh (8),
Thấu chẳng, chẳng thấu trời xanh,
Phụ tang (9) để đó, nhân-linh còn chi (10) !
Liều thân-thể làm thuê công-việc,
Miễn cầu cho thể-phách (11) được yên.

-
- (1) Đường thượng 堂上 : trên thềm, nơi cha mẹ ngồi.
(2) Tức là cha mẹ.
(3) Đình vi : sân — vi 幃 : cái màn che — cái màn che trong nhà tức là gia-đình.
(4) Gió thụ : tức là tướng phong 祥風 : gió mát mẻ. Mưa xuân, tức là xuân vũ 春雨 : mưa êm-ái.
(5) Nhân tử sự thân 人子事親 : đạo làm con đối với cha mẹ.
(6) Cả đời người.
(7) Hậu-Hán 後漢 : một triều-đại về sau nhà Đông-Hán.
(8) Rất thanh-thực.
(9) Phụ tang 父喪 : tang cha.
(10) Nhà không có đồng tiền nào.
(11) Thể-phách 體魄 : xác-thịt của cha.

Cực người thay ! nhẽ đồng tiền,
Đem thân hiếu-tử (1), bằng miền phú-gia (2),
Bỗng gặp kẻ đàn-bà đầu đó,
· Xin kết làm phu-phụ cùng đi (3),
Lựa ba trăm tấm dệt thuê,
Trả xong nợ ấy mới về cùng nhau.
Tôi chớn gặp (4) bỗng đầu thoát biển,
Là tiên-cô (5) trời khiến giúp công,
Mới hay trời vốn ở lòng,
Há rằng cao thẳm nghìn trùng mà xa.

9 — QUÁCH CỰ NHÀ HÂN

Hán, Quách Cự cửa nhà sa-sút,
Thờ mẫu-thân (6) chăm-chút mọi bề,
Con còn ba tuổi biết gì,
Bữa ăn từ-mẫu (7) thường thì bớt cho (8).
Trông thấy mẹ bữa no, bữa đói,
Vời hiền-thê (9) than nỗi khúc-nôi :
« Mẹ già đã chẳng hay nuôi,
« Đề con xẻ ngọt, chia bùi sao đang ?

(1) Hiếu-tử 孝子 : người con có hiếu.

(2) Phú-gia 富家 : nhà giàu.

(3) Phu-phụ 夫婦 : vợ chồng.

(4) Đến chỗ người đàn-bà ấy lần trước.

(5) Tiên-cô 仙姬 : nàng tiên.

(6) Mẫu-thân 母親 : mẹ.

(7) Từ-mẫu 慈母 : mẹ hiền.

(8) Bà thường bớt lại nhường cho cháu ăn.

(9) Hiền-thê 賢妻 : người vợ hiền.

« Vợ chồng ta còn phen sinh đẻ,
« Mẹ già rồi, hồ dễ được hai » (1).
Nói thôi, giọt ngắn giọt dài,
Đào ba thước đất để vùi tình thâm (2).
May đâu thấy hoàng-câm (3) một hũ,
Chữ « Trời cho » (4) đề rõ rành rành,
Cho hay trời khéo ngọc thành (5),
Hiếu tâm (6) đâu dễ đoạn tình cha con.

10. — KHƯƠNG THI ĐỜI HÁN

Hán, Khương Thi nhà còn lão-mẫu (7),
Vợ họ Bàng vện đạo chữ tông (8),
Mẹ thường muốn uống nước sông,
Vợ từng đi gánh thay chồng hầu có (9).

(1) Ý nói : vợ chồng mình còn đương thì sinh đẻ, chết con này lại đẻ con khác, còn mẹ chỉ có một, giờ chết đi thì thôi, tìm đâu được nữa.

(2) *Tình thâm* 情深 : tình sâu— đây nói là tình cha con.

(3) Hoàng-câm tức Hoàng-kim 黃金 : là vàng (vì đọc là âm cho đúng vần ở trên).

(4) Trên hũ có đề 2 chữ là : « trời cho ».

(5) *Ngọc thành* 玉成 : Bối câu : *thiên ngọc như vu thành* 天玉汝于成 » Ý nói trời giúp cho nên tốt.

(6) *Hiếu tâm* 孝心 : lòng hiếu-thảo, câu này ý nói trời nào dễ đến nỗi vì lòng hiếu thảo mà phải dứt tình cha con.

(7) *Lão-mẫu* 老母 : mẹ già.

(8) Tông, tức là tam tông 三從 : người đàn-bà khi còn ở nhà thì tông phụ 從父 : theo cha — khi lấy chồng rồi thì tông phu 從夫 : theo chồng — khi chồng chết rồi thì tông tử 從子 : theo ý của con, không được tự tiện một mình.

(9) *Có* 姑 : mẹ chồng — chữ *cô* 姑 cũng có nghĩa là cô nữa, nhưng đây là mẹ chồng.

Mẹ thường muốn ăn đồ gói-ghém,
Vợ chõng đều tìm kiếm đủ mùi,
Lại mời lân-âu (1) sang chơi,
Để bồi (2) cùng mẹ cho vui bạn già.
Bên nhà bõng chảy ra suối ngọt,
Vội nước sông in một mùi ngon, (3)
Lý-ngư (4) ngày nhảy hai con,
Đủ trong cung-cấp thần-hôn (5) thường lễ.
Rày thông-thả bỏ khi lặn-đạn (6),
Cam thỏa lòng dẫu thuận, con hiền,
Cho hay gia-đạo (7) khi nên,
Đã con hiếu, lại đợc hiền cả dẫu.

11. — THÁI THUẬN NHÀ HÁN

Ngươi Thái Thuận ở sau đời Hán,
Đạ thờ thân tiết loạn khôn lay (8)
Đương cơn khói-lửa (9) mây bay,
Liên năm hoang-khiêm (10) ít ngày đủ no.

-
- (1) *Lân-âu* 鄰媪 : bà lão già ở bên láng-giềng.
(2) *Ngồi tiếp*.
(3) *Vị nước ở suối ấy đúng như là vị nước sông*.
(4) *Lý-ngư* 鯉魚 : cá chép.
(5) *Thần-hôn* 晨昏 : buổi sớm buổi tối.
(6) *Lặn-đạn* : vất-vả — ý nói : bây giờ không phải đi gánh nước sông, đi tìm cá vất-vả nữa.
(7) *Gia-đạo* 家道 : nề-nếp trong nhà.
(8) *Bụng hiếu với cha mẹ, dù trong khi loạn lạc cũng không đổi tiết*.
(9) *Bỏ chữ : phong hỏa* 烽火 : khói-lửa tức là loạn lạc *máy bay cũng là loạn*.
(10) *Hoang-khiêm* 荒歉 : mất mùa kém đói.

Nơi rừng rậm kiếm đồ nuôi mẹ,
Nhặt quả dâu chia để làm hai.

Tặc-đồ (1) trông thấy nức cười,
Hỏi : « Sao bày-đặt đôi nơi cho phiền ! (2)

Rằng : « Quả ấy sắc đen thì ngọt.
« Dâng mẹ già gọi chút tình con,
« Còn là sắc đỏ chẳng ngon,
« Cái thân cay-đắng dám còn sợ chua ! »

Giặc nghe nói khen cho hiếu kính,
Bước lưu-ly mà gánh cương-thường (3),
Truyền quân của tiến sẵn-sàng,
Vó (4) trâu một chiếc, gạo lương một bầu.

Mình trong dạ, bước mau nhẹ gót,
Về tới nhà, miếng sốt (5) dâng qua.
Cho hay người cũng người ta,
Biết đâu đạo-tặc (6), chẳng là lương-tâm ? (7)

(1) Tặc-đồ 賊徒 : bọn cướp giặc.

(2) Hỏi sao lại để riêng quả đen quả đỏ ra làm 2 nơi làm gì cho phiền.

(3) Trong lúc loạn-lạc mà vẫn hiếu-thảo, tức là giữ được cương-thường.

(4) Vó tức là cái đùi, vó trâu tức là cái đùi thịt trâu.

(5) Đem gạo thịt về thổi cơm, làm món ăn dâng mẹ xôi lúc còn đương nóng.

(6) Đạo-tặc 盜賊 : trộm giặc, cướp giặc.

(7) Lương-tâm 良心 : lòng lành, lòng tốt, ý nói : tuy là bọn cướp giặc nhưng cũng có lòng tốt, thấy Thái Thuận có hiếu với mẹ, tặng cho gạo thịt đem về để nuôi mẹ.

12. — ĐÌNH LAN NHÀ HÂN

Hân, Đình Lan thuở còn thơ-ấu,
Bóng xuân-huyền (1) khuất dấu non xanh.
Đến nay tuổi đã trưởng-thành (2),
Cám công sơn-hải (3), thiết tình trân-cam (4).
Trưởng dung-mạo (5) khắc làm mộc-tượng
(6)
Cứ bữa thường phụng-dưỡng như sinh (7),
Khi chẵn-gối, buổi cơm-canh,
Mấy mươi năm, vẫn lòng thành trước sau.
Phải người vợ, kính lâu nên trẻ (8),
Thử lấy kim châm kẽ ngón tay,
Bồng đầu giọt máu chảy ngay,
Ai hay tượng gỗ lâu ngày thiêng sao !
Khi đến bữa chồng vào đặt lễ,
Mắt tượng rơi hàng lệ chứa-chan (9),

(1) Xuân 椿 : là cây xuân, chỉ bóng là cha. Huyền 萱 : cỏ huyền, chỉ bóng là mẹ ; ý nói : cha mẹ đã chết từ lúc Đình Lan còn bé.

(2) Trưởng-thành 長成 : khi đã khôn lớn.

(3) Sơn 山 : là núi. Hải 海 : là bể : ý nói công cha mẹ như núi như bể.

(4) Trân-cam 珍甘 : của quý của ngọt, ý nói : không được phụng-dưỡng cha mẹ.

(5) Dung-mạo 容貌 : dáng mặt.

(6) Mộc-tượng 木像 : tượng bằng gỗ.

(7) Phụng-dưỡng như sinh 奉養如生 : phụng-dưỡng như lúc cha mẹ còn sống.

(8) Phụng-dưỡng tượng gỗ mãi mấy mươi năm, người vợ lâu ngày sinh ra trẻ-nãi.

(9) Mắt tượng gỗ có nước mắt chảy ra đầm-đìa.

Xét xem mới biết nguồn cơn,
Nổi bưng lá giận, dứt tan giây tình (1).
Há phải nhẫn, mà đánh phụ nghĩa (2),
Hiếu với tình nặng nhẹ phải cân,
Cho hay thành hẳn nên thần (3),
Há rằng u, hiển (4), mà phân vong, tồn (5),

13. — LỤC TÍCH NHÀ HÁN

Hán, Lục Tích thuở còn sáu tuổi,
Quận Cửu-giang đến với họ Viên (6),
Trẻ thơ ai chẳng yêu khen,
Quít ngon đặt tiệc tiều-diên (7) đãi cùng.
Cất hai quả vào trong tay áo,
Tiệc tan xong từ-cáo lui chân,
Trước thềm khúm-núm gửi thân (8),
Vô tình quả quít nảy lặn ra ngoài.
Viên trông thấy cười cười, hỏi hỏi,
Sao khách hiển mang thối trẻ-thơ ?

(1) Nổi giận đuổi người vợ đi.

(2) Nào có phải là nhẫn tâm mà phụ nghĩa vợ chồng, vì vợ là người bất hiếu với cha mẹ mình.

(3) Bởi câu: *Chi thành thông thần* 至誠通神: có lòng rất thành-thực thì cảm-động đến thần mình.

(4) *U* 幽: là tối, tức là âm-phủ. *Hiển* 顯: là sáng, rõ, tức là dương-gian.

(5) *Vong* 亡: kẻ đã mất rồi. *Tồn* 存: người còn sống. Ý nói: không kể gì âm-phủ hay dương-gian, kẻ còn hay người-đã khuất đi, mình có lòng chí thành thì cảm-ứng cả.

(6) Tích theo cha đến quận Cửu-giang chơi với họ Viên Thuật làm quan thái-thú ở quận ấy.

(7) *Tiêu-diên* 小筵: bữa tiệc nhỏ mọn.

(8) *Gửi*: thừa. *Thân*: thừa.

Thưa rằng : « Mẹ vốn tính ưa,
Vật ngon dành lại để đưa mẹ thì » (1).

Viên nghe nói trọng-vì khôn biết,
Bé con con mà biết hiếu thân (2),
Cho hay phú dữ thiên chân (3),
Sinh ra ai cũng sẵn phần thiện-đoan (4).

14. — GIANG CÁCH NHÀ HÁN

Hán, Giang Cách cô-đơn (5) từ bé,
Bước truân-chuyên với mẹ đồng cư,
Đương cơn loạn-lạc bơ vơ,
Một mình công mẹ vẫn-vơ dọc đường.

Từng mấy độ chiến-trường gặp giặc,
Giặc cố tình hiếp bắt đem đi,
Khóc rằng : « Thân mẹ lưu-ly,
Tuổi già bóng chếch (6) biết thì cậy ai ! »

Giặc nghe nói thoát thôi chẳng nỡ,
Rời dần dà qua ở Hạ-bì (7),

(1) *Thì* : xôi, ăn.

(2) *Hiếu thân* 孝親 : hiếu với cha mẹ.

(3) *Phú dữ thiên chân* 賦予天真 : chân tính trời cho
thuở bé.

(4) *Thiện-đoan* 善端 : mối lành. Vì câu : *Nhất hiếu lập
nhị vạn thiên tông* 一孝立而萬善從 : có một lòng hiếu
thì muôn vạn điều hay ở đấy mà ra, cho nên gọi hiếu là đầu
mối của mọi việc thiện.

(5) *Cô-đơn* 孤單 : mồ côi cha, lại có một mình, không
anh em nào.

(6) Tuổi già như bóng mặt trời đã xế về chiều.

(7) *Hạ-bì* 下被 : tên một xứ bên Tàu.

Dẫn mình gánh mướn làm thuê,
Miễn nuôi đợc mẹ, quản gì là thân.
Mọi đồ-vật sắm dần đủ hết,
Áng xuân-phong (1) tươi nét từ-nhan (2)
Cho hay những lúc gian-nan,
Thật vàng, dầu mấy lửa than cũng vàng (3),

15. — HOÀNG HƯƠNG ĐỜI ĐÔNG-HÁN

Đời Đông-Hán Hoàng Hương chín tuổi,
Khuất bóng từ (4) dòi-dối nhớ thương,
Hạt châu khôn ráo hai hàng,
Tiếng hiền đồn dậy trong làng đều khen.
Thờ nghiêm-phụ (5) cần chuyên khuya sớm
Đạo làm con chẳng dám chút khuấy,
Trời khi nắng hạ chầy chầy
Quạt trong màn gối hơi bay mát râm (6).
Trời đông buổi sương dầm tuyết thấm (7),
Ấp hơi mình cho ấm chiếu-chăn (8),

(1) Xuân-phong 春風 : gió xuân, ý nói tươi-tỉnh, vui-vẻ.

(2) Từ-nhan 慈顏 : mặt hiền-từ : tức là nét mặt của mẹ lúc nào cũng tươi-tỉnh.

(3) Ý nói : người có hiếu thì dù gặp khi loạn-lạc nghèo khổ đến thế nào cũng giữ đợc hiếu.

(4) Tức là mẹ đã chết rồi.

(5) Nghiêm-phụ 嚴父 là cha. Vì cha thì nghiêm, mẹ thì từ, cho nên mướn chữ nghiêm để chỉ cha, chữ từ để chỉ là mẹ.

(6) Quạt hết cả khí oi-nóng đi, cho chăn màn đợc mát.

(7) Mùa đông rét lạnh.

(8) Ủ hơi của mình cho chăn- chiếu của cha đợc ấm.

Vì con cha được yên thân,
Bốn mùa không biết có phần hạ đông (1),
Tiếng hiếu-hạnh cảm lòng quận-thú (2)
Biều nêu treo chói đỏ vàng son,
Cho hay tuổi trẻ mà khôn,
Nghìn thu biết đạo làm con mấy người ?

16. — VƯƠNG THÔI ĐỜI TẤN

Ngụy vương Thôi gặp đời Tây-Tấn (3)
Vi thù cha (4) lánh ẩn cao bay,
Bên mồ khóc đã khô cây,
Trợn đời ngồi chẳng hưởng tây lúc nào (6).
Khi sấm-sét tìm vào mồ mẹ,
Lạy khóc rằng : « Con trẻ ở đây » (7),
Bởi vì tính mẹ xưa nay,
Vốn từng sợ sấm những ngày gió mưa.

(1) Hạ đông 夏冬 : mùa hè mùa đông.

(2) Quận-thú 郡守 : Quan Thái-thú ở quận ấy.

(3) Vương Thôi sinh vào đời nhà Ngụy, sau nhà Tần-Tấn diệt nước Ngụy thống-nhất thiên-hạ. Tây-Tấn về dòng con cháu Tư Mã Ý

(4) Vì Tây-Tấn giết hại cha ông.

(5) Cha ông bị giết chết, ông thương-xót cha ông, cứ phục ở mà mà khóc, nước mắt chảy ra nhiều quá, làm cho cây trái khô-héo trồng ở bên mồ thấm nước mắt của ông mà tươi lại.

(6) Nhà Tây-Tấn đóng ở phương Tây, ông tức Tây-Tấn giết cha ông nên trợn đời ông không ngồi ngảnh mặt về hướng Tây, tỏ ý không làm tối nhà Tây-Tấn.

(7) Vì tính mẹ Vương Thôi hay sợ sấm, nên khi mẹ chết rồi, hễ khi nào mưa gió có sấm, thì ông lại ra ấp mộ, và khẩn rằng : « Đã có con ở đây », để cho hồn mẹ khỏi sợ.

Nên coi sóc chẳng từ sớm tối,
Thần-phách (1) yên, dạ mới được yên,
Trong khi đọc sách giảng truyền (2),
Tới câu : « sinh ngã » (3), lệ tràn như tuôn.
Ngập-ngừng kẻ cấp môn (4) cũng cảm,
Thơ « Lục-nga » chẳng dám còn ngâm (5),
Cho hay thử lý thử tâm (6),
Sư, sinh (7) cũng tấm tình thâm khác gì.

17. — NGÔ MÃNH NHÀ TẤN

Tấn, Ngô Mạnh tuổi thì lên tám,
Lòng sự thân (8) chẳng dám khi nhân,

(1) *Thần-phách* : 神魄 : thần hồn và xác thịt, hồn xác của mẹ được yên thì ông mới yên dạ.

(2) Ông không chịu làm quan với Tây-Tấn, ở nhà dạy học, giảng sách cho học-trò.

(3) *Sinh ngã* 生我 : đẻ ra ta. Ông đọc đến câu phụ hề sinh ngã 父兮生我 : cha sinh ra ta thì ông lại nhớ cha mà chảy nước mắt khóc.

(4) *Cấp môn* 入門 : đến cửa, tức là các học-trò.

(5) *Lục-nga* 蓼莪 : tên một thơ trong Kinh Thi, vì thơ ấy có câu : « phụ hề sinh ngã » và nói những công-lao của cha mẹ đối với con. Học-trò ông hề đọc đến câu « sinh ngã » thì ông lại khóc, nên cũng cảm-động bỏ thơ ấy đi không đọc nữa.

(6) *Thử lý, thử tâm* 此理此心 : lòng ấy lẽ phải ấy. Bởi câu chữ Hán : nhân đồng thử tâm, tâm đồng thử lý 人同此心心同此理 : người ta ai cũng một lòng ấy, lòng nào cũng theo lẽ phải ấy.

(7) *Sư* 師 : thầy. *Sinh* 生 : học-trò. Ý nói thầy trò đều có tấm tình đối với cha mẹ cả.

(8) *Sự thân* 事親 : thờ cha mẹ.

Cực về một nỗi bần-hàn,
Có giường trong đặt, không màn ngoài che (1)
Trời đương buổi đêm hè nóng-nảy,
Trời muỗi kêu vang dậy dường mưa
Xót thay ! hai đấng nghiêm, từ (2),
Đề người (3) chịu muỗi, bây giờ biết sao !
Nghĩ da thịt phượng nào thay lấy (4) ?
Quyết nằm trần, muỗi mấy chẳng xua,
Rầu lòng cho muỗi được no,
Đề người (5) êm-ái (6) giấc hoè cho nên.
Tuổi tuy bé mà gan chẳng bé,
Dạ ái thân (7) đến thể thời thời,
Cho hay phú tính bởi trời,
Những đau trong ruột, dám nài ngoài da (8),

18. — VƯƠNG TƯỜNG NHÀ TẤN

Ngươi Vương Tường cũng là đời Tấn,
Tủ huyền-đường (9) sớm lần bóng xa (10),

(1) Nhà nghèo chỉ có giường nằm, không có màn để cho muỗi.

(2) *Nghiêm* 嚴 tức là cha. *Từ* 慈 tức là mẹ.

(3) Người tức là cha mẹ.

(4) Nghĩ lấy da thịt của mình thay cho da thịt của cha mẹ.

(5) Người tức là cha mẹ

(6) Giấc hoè tức là giấc ngủ. Ngày xưa Thuần vu Phần nằm ngủ dưới gốc cây hoè, chiêm bao được làm quan sung-sướng lắm. Về sau người ta mượn chữ « hoè » làm giấc ngủ

(7) *Ái thân* 親愛 : yêu cha mẹ.

(8) Sợ muỗi đốt cha mẹ thì đau ruột, còn da thịt của mình thì tiếc gì.

(9) *Huyền-đường* 萱堂 : đã chú-chích ở trên.

(10) Ý nói mẹ đã chết rồi.

Mẹ sau (1) gắp kẻ chua-ngoạ,
Tiếng gièm thêu-dệt (2) với cha những điều.
Lòng cha chẳng còn yêu như trước,
Lòng con thường chẳng khác như xưa,
Mẹ thường muốn bữa sinh-ngư (3),
Giá đông (4) trời lạnh bây giờ tìm đâu ?
Trên vầng đông (5), quyết cầu cho thấy,
Cởi áo nằm rét mấy cũng vui,
Ổng đầu vầng lở làm hai,
Lý-ngư (6) may được một đôi mang về.
Bữa cung-cấp một bề kinh thuận.
Mẹ cha đều đòi giận làm lành,
Cho hai hiếu cảm tại mình,
Dấu trăm giận, lúc hả tình (7) cũng thôi.

19. — DƯƠNG HƯƠNG ĐỜI TẤN

Tấn, Dương Hương mới mười-bốn tuổi,
Cha bước ra hăng ruổi (8) theo cha,
Phải khi thăm lúa đường xa,
Chút thân tuổi-tác thoát sa miệng hùm (9),
Đau con mắt (10) hằm hằm nổi giận,
Năm tay vợ-vẫn giữa đường,

(1) Tức là mẹ kế.

(2) Bịa-đặt ra những lời gièm-pha.

(3) Sinh-ngư 生魚 : cá tươi.

(4) Trời rét nước đông lại thành băng.

(5) Trên chỗ nước đông lại thành băng.

(6) Cá.

(7) Lúc hả dạ, vui lòng.

(8) Đi.

(9) Suýt nữa bị hổ ăn thịt.

(10) Trông thấy hổ định vồ bắt cha lấy làm đau-đớn lắm.

Hai tay chặn giọt dè ngang,
Ra tay chống với hồ-lang (1) một mình.
Hùm mạnh phải nhả nanh lánh gót, (2)
Hai cha con lại một đoàn về,
Cho hay hiếu mạnh hơn uy (3),
Biết cha thôi lại biết chi có mình (4),

20. — MẠNH TÔNG NƯỚC NGÔ

Ngô, Mạnh Tông phụ-thân sớm khuất (5),
Thờ mẫu-thân (6) lòng thực khăng khăng,
Tuổi già trần-trọc bần-khoăn,
Khi đau nhờ bát canh măng những thềm.
Trời đông tuyết (7) biết đau tìm được,
Chốn trúc-lâm (8) phải bước chân đi,
Một thân ngồi tựa gốc tre,
Om cây kêu khóc năn-ni với cây.
Giữa bình-địa (9) phút giây bỗng nứt,
Mấy dò măng mặt đất nổi lên (10),

-
- (1) Hồ 虎 : con hồ, con hùm. Lang 狼 : loài thú dữ,
(2) Hùm phải hạ mồm bỏ chạy.
(3) Lòng hiếu mạnh hơn sức khoẻ của con hùm.
(4) Chỉ nghĩ việc cứu cha, chứ không nghĩ gì đến việc mình tay không mà chống nhau với hồ là sự nguy-hiểm.
(5) Cha mất sớm. Phụ-thân 父親 : là cha.
(6) Mẫu-thân 母親 : là mẹ.
(7) Đông tuyết 冬雪 : mùa đông có tuyết.
(8) Trúc-lâm 竹林 : rừng tre.
(9) Bình địa 平地 : chỗ đất bằng.
(10) Mấy dò măng ở dưới đất mọc lên.

Dem về điều (1) đặt bữa canh,
Ăn rồi, bệnh mẹ lại lành (2) như xưa.
Mãng mùa lạnh bảy giờ mới thấy,
Đề về sau nhớ lấy cỏ cây (3),
Cho hay hiếu động cao dày,
Tình sâu nên khiến cỏ cây cũng tình (5)

21. — SỬU KÌM LÂU NƯỚC TỀ

Sứu Kim Lâu có danh Tề-quốc (6),
Huyện Bình-lãng (7) nhận chức thân dân (8),
Tới nha (9) chưa được một tuần (10),
Bờ-hôi như dội, tâm-thần thường đau.
Treo ấn ruồi vó câu (11) buồn-bã,
Về thăm cha bệnh đã hai ngày,

(1) *Điều 調* : pha mắm muối và vị chua, vị ngọt cho thành canh ngon.

(2) *Khỏi bệnh*.

(3) Vì Mạnh Tông có lòng hiếu, cho nên cỏ cây cũng cảm-động, nên nhớ là cỏ cây cũng có tình.

(4) *Cao tức là trời. Dày tức là đất. Bờ câu : thiên cao địa hậu 天高地厚 : trời cao đất dày.*

(5) Ý nói: Vì Mạnh Tông có hiếu với mẹ, nên cây tre cũng có cảm-tình mà mọc măng ra.

(6) Kim Lâu là người có danh tiếng nước Tề.

(7) Một tên đất ở bên Tàu.

(8) *Thân dân 親民* : gần liền với dân, tức là chức Thái-thú bên Tàu, như chức Tri-phủ, Tri-huyện ngày trước ở nước ta.

(9) *Nha 衙* : công-nha, sở làm việc.

(10) *Tuần 旬* : là 10 ngày.

(11) *Câu 駒* : con ngựa. Vó câu tức là vó ngựa. Ý nói cỡi ngựa đi về.

Ném dơ (1) vâng cứ lời thầy,
Ngọt-ngào đầu lưới, chua-cay trong lòng (2),
Thấy chữ dạy « bệnh trung nghi khổ » (3).
Ước làm sao bệnh đỡ mới cam,
Đêm đêm hương bắc triều tam (4),
Xin đem tinh-mệnh thay làm thân cha (5).
Lòng cầu-khẩn thấu tòa tinh-tú (6),
Chữ bình-an vui-thú đình-vi (7),
Cho hay máy động huyền-vi (8),
Thay mình truyên trước còn ghi kim-dăng (9).

(1) Tức là ném phân

(2) Vì thầy thuốc bảo rằng : người nào ốm mà phân đắng thì dễ chữa, phân ngọt thì bệnh nặng khó chữa, ông ném phân cha thấy ngọt, ông lo-ngại sợ cha chết.

(3) Trong sách thuốc nói về phân của người ốm có câu rằng : « bệnh trung nghi khổ 病中宜苦 » trong khi đương ốm, thì phân đắng là tốt.

(4) Triều tam 朝三 : ba lần châu về. Ý nói : một đêm ba lần châu về hương bắc mà khẩn.

(5) Xin chết thay cha.

(6) Tinh-tú 星宿 : ngôi sao — tức là sao Bắc-đầu.

(7) Đình-vi 庭幃 : Ở đây ý nói : cha được khỏi bệnh, cả nhà vui-vẻ.

(8) Huyền-vi 玄微 : màu-nhiệm, bí-ẩn. Ý nói : cảm-động đến trời.

(9) Kim-dăng 金滕 : cái hòm có buộc bằng giấy vàng ; ngày xưa vua Vũ-vương nhà Chu bị bệnh nặng, em là Chu Công Đán làm sớ tâu với tiên-tổ ở nhà thái-miếu xin chết thay cho Vũ-vương, tờ sớ ấy sau để vào trong hòm gỗ, có buộc giấy vàng ở ngoài, để ở nhà Thái-miếu.

22. — ĐƯỜNG-THỊ VỢ HỌ THÔI

Dâu họ Thôi, ai bằng Đường-thị,
Thương mẹ chồng niên-kỷ (1) đã cao,
Không răng ăn dễ được nào (2).
Ngày ngày lau-chải ra vào thăm coi (3).
Lấy sữa ngọt (4) thay mùi cơm cháo,
Mấy năm trời chẳng gạo mà no (5),
Vì dâu dốc dạ thờ cô,
Da mỗi tóc bạc bốn mùa như xuân (7),
Ơn lòng ấy khôn phần báo lại,
Buổi lâm-chung (8), nhủ với hoàng-thiên (9)
Xin cho nguyên được như nguyên,
Dâu dâu ngày khác lại hiền như dâu (10).
Ai nghe cũng răn nhau hiếu kính.
Cửa Thôi-gia (11) hưng-thịnh đời đời,

(1) *Niên-kỷ* 年紀 : tuổi. Ý nói tuổi đã già.

(2) Già móm cả răng.

(3) Hàng ngày Đường-thị tắm rửa chải đầu cho sạch-sẽ, rồi lên nhà trên thăm mẹ chồng.

(4) Cho mẹ chồng bú sữa mình.

(5) Mấy năm trời mẹ chồng chỉ bú sữa của Đường-thị mà đủ no, không phải ăn cơm.

(6) *Có* 故 : mẹ chồng.

(7) Mẹ chồng tuy già nhưng lúc nào cũng được vui-vẻ, vì có con dâu hiếu.

(8) *Lâm-chung* 臨 : lúc sắp chết.

(9) *Hoàng-thiên* 皇天 : là trời. Ý nói : lúc sắp chết có khẩn-nguyện với trời.

(10) Ý nói : cầu cho các con cháu dâu về sau người nào cũng hiếu như Đường-thị cả.

(11) *Thôi-gia* 崔家 : nhà họ Thôi.

Cho hay gia-khánh (1) lâu dài,
Báu nào còn báu hơn người dâu ngoan (2),

23. — CHU THỌ XƯƠNG NHÀ TỔNG

Chu thọ Xương làm quan Tống-đại (3),
Mẹ sinh ra bảy tuổi lia lòng (4),
Bởi vì đích-mẫu (5) chẳng dung.
Đem thân bồ-liễu (6), bạn cùng nước non (7).

Muôn nghìn dặm, mẹ con xa khuất,
Năm mươi năm trời đất bơ-vơ (8),
Sinh con những tưởng cây-nhờ,
Cái thân sung-sướng bây giờ mà chi (9) ?

Bỏ quan chức, quyết đi tìm-tối,
Năm lời thề nói với gia-nhân (10),
« Thân này chẳng gặp từ-thân (11),
« Thời liệu sống thác với thân cho đành ».

-
- (1) Gia-khánh 家慶 : phúc nhà,
(2) Không gì báu bằng được người con dâu hiếu thảo.
(3) Tống-đại 宋代 : đời nhà Tống.
(4) Phải lia mẹ đẻ từ lúc lên 7 tuổi.
(5) Đích-mẫu 嫡母 : mẹ đích. Vợ cả của cha mình.
(6) Bồ 薄 : cỏ bồ. Liễu 柳 : cây liễu, hai thứ cây cỏ yếu-
ớt, để chỉ là phần đàn-bà con-gái về phái yếu.
(7) Phải đi lưu-lạc.
(8) Mẹ con xa cách nhau 50 năm trời.
(9) Bây giờ mình được sung-sướng mà mẹ phải lưu-lạc
thì sung-sướng làm gì.
(10) Khi ông sắp ra đi, ông có thề với người trong nhà
rằng : « Nếu ông không tìm được mẹ thì dù chết cũng
đành ». Gia-nhân 家人 : người con.
(11) Từ-thân 慈親 : mẹ hiền.

Trời dẫu phụ lòng thành hiếu-tử (1),
Chốn Đồng-châu (2) bỗ-ngỗ gặp nhau,
Nét mừng ai vẽ nên dẫu,
Mẹ dẫu nhuộm tuyết (3), con dẫu hoa râm (4).
Đã bỏ lúc than thầm khóc ngầm,
Lại vầy nên trên ấm dưới êm,
Cho hay máu chảy ruột mềm,
Không trời ai tưởng còn tìm được đây ?

24. — HOÀNG ĐÌNH KIÊN
(Tăng Trực) NHÀ TỔNG

Triều Nguyên-hựu (5) có thầy Tăng Trực.
Là họ Hoàng ngồi chức Sử-thần (6),
Ơn vua đã nhẹ tấm thân (7),
Phận con vẫn giữ thờ thân như ngày,
Đồ dơ-bẩn thân tay lau-chuốt (8),
Việc tầm-thường chẳng chút đơn sai,
Há rằng sai-khiến không ai,
Đem thân quan-trưởng (9) thay người gia-nô
(10)

- (1) *Hiếu-tử* 孝子 : con hiếu.
(2) Một tên đất ở bên Tàu.
(3) Mẹ dẫu bạc trắng như tuyết.
(4) Con dẫu lốm-đốm bạc.
(5) Niên-hiệu vua Triết Tôn nhà Tống. Nguyên-hựu,
(1086).
(6) *Sử-thần* 史臣 : quan chép sử.
(7) Được làm quan giàu có, thân đã nhẹ-nhàng.
(8) Những đồ của cha mẹ dùng để đại tiểu-liện tự tay
ông lau rửa lấy cả.
(9) *Quan-trưởng* 官長 : quan to.
(10) *Gia-nô* 家奴 : đũa ở trong nhà.

NHỊ THẬP TỬ HIẾU

Chức nhân-tử (1) phải cho cần-khở (2),
Có mẹ cha mới có thân ta,
Cho hay đạo chẳng ở xa,
Hay làm hiếu-tử (3) mới ra trung-thần, (4)

KẾT-LUẬN

Bấy nhiêu tích cổ nhân (5) về trước,
Cách nghìn xưa như tạc một lòng.
Kề chi kẻ đạt (6) người cùng (7).
Lọt lòng ai trốn khỏi vòng di-luận (8).
Buổi công hạ (9) cảm thân dày đội (10),
Xa hương-quan (11) gần cõi thánh-hiền (12),
Trông vào những thẹn bóng đèn,
Muốn lưu gia-phạm (13), nên truyền quốc-âm (14)

== CHUNG ==

-
- (1) Nhân-tử 人子 : đạo làm con.
(2) Siêng-năng khó-nhọc.
(3) Hiếu-tử 孝子 : Người con hiếu.
(4) Trung-thần 忠臣 : bày tôi trung. Hai câu này bởi câu : Cầu trung-thần tãi ư hiếu-tử chi môn 求忠臣必於孝子之門 : muốn tìm người bày tôi trung, tất phải tìm ở nhà nào là nhà con hiếu, vì có biết hiếu với cha mẹ, thì mới trung với nước.
(5) Cổ-nhân 古人 : người đời xưa.
(6) Đạt 達 : người hiền-đạt làm quan sang.
(7) Cùng 窮 : người không chức-phận gì, người nghèo túng.
(8) Di-luận 彝倫 : đạo cương-thường cũng như ngũ-luân.
(9) Công hạ 公暇 : khi rảnh việc quan.
(10) Bởi chữ : đời thiên lý địa 載天覆地 : đội trời đạp đất.
(11) Hương-quan 鄉閭 : quê-hương.
(12) Ý nói chỉ xem sách.
(13) Gia-phạm 家範 : khuôn-phép trong nhà.
(14) Quốc-âm 國音 : tiếng nôm của nước mình.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>CÙNG BAN ĐỌC</i>	<i>III</i>
<i>Tiểu-sử cụ Lý văn Phức</i>	<i>V</i>
<i>Lược truyện 24 hiếu-tử.</i>	<i>VII</i>

NHỊ-THẬP-TỬ HIẾU DIỄN CA

<i>Khai mào</i>	<i>31</i>
1. — <i>Vua Đại-thuần nhà Ngu</i>	<i>32</i>
2. — <i>Vua Văn-đế nhà Hán</i>	<i>33</i>
3. — <i>Tăng-tử nhà Chu.</i>	<i>35</i>
4. — <i>Mẫn Tử-Khiên nhà Chu</i>	<i>37</i>
5. — <i>Tử Lộ nước Lỗ</i>	<i>38</i>
6. — <i>Diêm Tử.</i>	<i>40</i>
7. — <i>Lão Lai Tử.</i>	<i>41</i>
8. — <i>Đồng Vĩnh đời Hậu-Hán</i>	<i>42</i>
9. — <i>Quách Cự nhà Hán</i>	<i>43</i>
10. — <i>Khương Thi đời Hán</i>	<i>44</i>
11. — <i>Thái Thuận nhà Hán</i>	<i>45</i>
12. — <i>Đình Lan nhà Hán</i>	<i>47</i>
13. — <i>Lục Tích nhà Hán</i>	<i>48</i>
14. — <i>Giang Cách nhà Hán</i>	<i>49</i>
15. — <i>Hoàng Hương đời Đông-Hán</i>	<i>50</i>
16. — <i>Vương Thời đời Tấn</i>	<i>51</i>
17. — <i>Ngô Mãnh nhà Tấn</i>	<i>52</i>
18. — <i>Vương Fường nhà Tấn</i>	<i>53</i>
19. — <i>Dương Hương đời Tấn.</i>	<i>54</i>
20. — <i>Mạnh Tông nước Ngô</i>	<i>55</i>
21. — <i>Sửu Kim Lâu nước Tề.</i>	<i>56</i>
22. — <i>Đường-thị vợ họ Thôi</i>	<i>58</i>
23. — <i>Chu thọ Xương nhà Tống.</i>	<i>59</i>
24. — <i>Hoàng đình Kiên nhà Tống</i>	<i>60</i>
<i>Kết-luận</i>	<i>61</i>
<i>MỤC LỤC</i>	<i>62</i>

Vào đầu niên-khóa năm 1958-59
với chương-trình Trung-học
mới được chấp - thuận

nhà xuất-bản « TÂN VIỆT »

sẽ hiến các bạn học-sinh Trung-học
nhiều quyển sách giáo-khoa giá-trị :

**1. — BÌNH - GIẢNG về TỰ LỰC
VĂN-ĐOÀN**

(Khái Hưng — Nhất Linh — Hoàng
Đạo — Thạch Lam — Thế Lữ)

của **NGUYỄN VĂN XUNG**

(Giáo-sư trường Trung-học Pellerin — Huế)

2. — TÂN-ĐÀ NGUYỄN KHẮC HIỆU

(Thân-thế và sự-nghiệp văn-chương)

của **HÀ NHƯ CHI**

(Tác-giả Việt-nam Thi-văn giảng-luận)

3. — GIẢNG LUẬN về NGUYỄN CÔNG TRỨ

(Phương-pháp giảng-luận mới — đủ các tài-liệu
cần-thiết để hiểu giảng văn, làm luận văn)

của **LAM GIANG**

4. — 50 BÀI LUẬN PHÁP-VĂN

Luyện thi Brevet d'études du 1er cycle

và **TRUNG-HỌC ĐỆ-NHẤT CẤP**

của **TRẦN VĂN KHUÊ**

(Giáo-sư trường kỹ-thuật Cao Thắng — Saigon)

**5. — MỘT THỜI LÃNG-MẠN TRONG THI-
CA VIỆT-NAM**

của **HÀ NHƯ CHI**

6. — NGHỊ-LUẬN LUẬN-LÝ

(Phương-pháp có chứng-dẫn — bài mẫn có phê chú)

của **LAM GIANG**

NHI-THẬP-TỬ HIẾU của
Chu-Lang CAO HUY GIU
đính-chính và chú-thích
in lần thứ hai do nhà
TÂN VIỆT xuất-bản
Ngoài những bản thường
có in riêng sáu bản
trên giấy trắng không
bán — Giấy phép xuất-bản
số 134/T.X.B. bộ T.T.N.V.

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

SÁNG-LẬP NĂM 1937

Đã xuất-bản trên 350 thứ sách giá-trị

SÁCH GIÁO - KHOA < TÂN VIỆT >

Loại cổ văn chú-thích và dẫn-giải

Đ Ầ C Ó B Á N

- | | |
|------------------------|---------------------------------|
| 1. Truyện Thúy Kiều | 10. Nguyễn Cư Trinh với Sài Vải |
| 2. Truyện Hoa Tiên | 11. Hoa điều tranh năng |
| 3. Chinh-phụ ngâm-khúc | 12. Hạnh-thục ca |
| 4. Cung-oán ngâm-khúc | 13. Ngự-Tiêu vấn-đáp Y-thuật |
| 5. Lục Vân Tiên | 14. Nhị độ Mai |
| 6. Truyện Trê Cóc | 15. Bích-câu kỳ ngộ |
| 7. Truyện Trình Thử | 16. Nữ Tú-Tài và Bản nữ thần |
| 8. Lục súc tranh công | 17. Gia huấn ca |
| 9. Truyện Phan Trần | 18. Nhị-thập tứ hiệu |
| | 19. Quan-Âm Thị Kính |

CÒN MỘT SỐ ÍT

VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC

(In lần thứ năm)

— của Cụ —

TRẦN TRỌNG KIM

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

235, Phan thanh Giản — Saigon

Giấy-phép xuất-bản
Số 134/T.X.B.
của nha Thông-Tin
Nam Việt

NHỊ-THẬP-TỨ HIỆU

In lần thứ hai

Giá { Nam-việt... 12 \$ 00
{ Các nơi..... 14 \$ 00